

NHỮNG KINH DO TẶNG-GIÀ-LA-SÁT TẬP THÀNH

QUYỂN 2

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy làm thế nào để phân biệt thành trì của sự sinh?

“Đó là đoạn tận sinh và vô sinh để lấp bỏ hào rãnh, vượt qua bờ huyết và các rào giậu. Ái dục là do sự ngu si nhiễm trước kiên cố mà có. Ngu si là thành trì không tầm không quý, bị bao quanh bởi các dấu tích, không có chỗ hở. Ngũ cái là cửa ngăn che chúng sinh; ái dục chở đầy trên xe sân hận, với vô số chủng loại bao quanh, dựng tràng kiêu mạn, thổi loa tối tăm, chạy Đông rảo Tây, bị các thứ tà kiến quấn thân, tự chịu sự lôi kéo”, nên tư duy một cách rõ ràng như vậy.

Chúng sinh có các viên quán hết sức vi diệu, tâm ý vui thích nên ưa đến chỗ đó; hoặc gặp chốn mất mùa đói kém làm thương nhân ra đi tìm cầu sự sung sướng, và vượt qua các cảnh giới đến nơi cần đến, được quả lợi dưỡng, giải thoát. Gặp ách nạn nóng lạnh, nắng, gió mưa dữ dội, sinh, lão, bệnh, tử cũng có khổ não đó. Nếu như lệ thuộc vào sinh tử, cuốn theo các thú hưởng thì giống như chiếc thuyền kia trôi theo dòng nước hoặc Đông, hoặc Tây. Ở trong sinh tử đó mà tác ý như vậy thì nghi hoặc khó có thể thâm nhập, và không cùng hòa hợp cũng không thể tranh đấu. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Tam-muội quán chiếu, với năng lực như thế khó có thể làm trở ngại, đến cảnh giới ấy mọi sinh tử đều diệt tận, tất cả lợi lạc tốt đẹp không có các hành hữu vi.

Do vậy nên nói kệ:

*Sinh nơi có các tướng
Phải trải qua ách nạn,
Trong hào đầy huyết kia
Như biển sâu không đáy,
Tiếng vang dội ba đời
Bị thành ngu vây kín,
Đức Thế Tôn quán chiếu
Dùng quyền trí tận trừ.*

Khi ấy Đức Thế Tôn dạy làm thế nào để hàng phục các ma?

Đó là tắm mình trong ao tám Giải thoát, khéo thực hành không để nhiễm trước, dần dần đến cửa giải thoát; khéo tuyên nói giáo pháp vô thượng giáo hóa chúng sinh khiến cho an trụ nên danh tiếng đồn xa. Mặc áo hổ thẹn, lấy pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện làm mào báu, nhấn lực đầy đủ, nhan sắc thường vui vẻ, diện mạo tròn đầy, hiển bày tám con đường của Hiền thánh. Tuy có nhiều thứ hương thơm xông ướp các loại y phục, nhưng vốn vẫn biết kết sử là uế trước, nên cỡi xe cấm giới, Chánh kiến dẫn đầu, cùng các công đức vây quanh, dùng năng lực trí tuệ điều khiển chiếc xe, chuyên niệm không dao động và lấy điều thiện giác ngộ chúng sinh.

Ba cõi nghe lời dạy ấy đều làm theo bốn hạnh: lấy sự đình chỉ ý làm áo giáp, tay cầm pháp tràng, múa đao trí tuệ; dùng ý tưởng thiện làm phát trần; dùng Thập lực, Vô sở úy để thổi pháp loa; nhờ năng lực thần túc mà ở ba ngàn đời đều được tự tại, lại khéo phân biệt Thất tài, Tứ biện tài không thể cùng tận. Nếu kết sử khởi lên thì có thể làm chúng tiêu diệt, và bố thí sự nghiệp của cải gấp trăm ngàn vạn lần không thể tính kể.

Giống như voi lớn trang nghiêm thân mình, Ngài nhiếp thủ chúng sinh ở an nơi thiện nghiệp, dùng tâm Sư tử phấn tấn không khiếp nhược để khai mở pháp môn, hoặc hiện tướng sợ hãi, hoặc hiện tướng dũng mãnh, tâm không sân hận thu được tài bảo lớn. Giống như quý La-sát nhe nanh múa vuốt, biến hóa ra các hình dạng như vậy không khác gì quyến thuộc của chúng. Hoặc hiện hồ ly, hoặc hiện chúng ma, hoặc hiện đầu sư tử mình hổ, hoặc Thất-bộ-xà, hoặc đứng thẳng mà muốn giết hại, lửa sân bùng bùng, hoặc công núi, phun lửa bao nhiêu là biến hóa, hoặc hiện thân chó ôm lòng kiêu mạn, hoặc một thân hai đầu, hoặc le lưỡi trợn mắt, hoặc mình dài cổ ngắn, hoặc hình chim Kim sí, hoặc tay cầm dao gậy, hoặc cầm bánh xe, cầm chày, hoặc sư tử rống muốn giết hại người. Hiện những sự biến hóa quái dị như vậy, hoặc hiện hình dạng con trâu lông đuôi dài, hình Cưu-bàn-trà tay cầm ngọn lửa lớn, mình mặc áo giáp, mắt đỏ phóng nguồn ánh sáng phóng vào ngọn lửa lớn, tìm mọi phương tiện để giết hại nhau. Các La-sát kia đều có hai cánh, đánh các thứ trống, nhiều loại âm thanh tràn ngập hư không, có những cái linh đeo ở cổ giống như để ếm quỷ, hoặc hình đồng tử tay cầm bánh xe sắt, những hình tướng ác độc có rất nhiều dạng, giống như Thần biển tay cầm mặt trời, mặt trăng, dùng dao trí tuệ để hàng phục các oán địch ấy.

Do vậy nên nói kệ:

*Hết kết, không sợ hãi
Luôn luôn được an lạc
Biến các thứ hình sắc
Với sắc tướng vô cùng.
Biến hóa ra như vậy
Bởi do đã tạo nghiệp
Tay cầm dao trí tuệ
Liên hàng phục các oán.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy vượt khỏi sông tro như thế nào?

Vượt khỏi sông tro là khi trừ bỏ được tâm mong cầu và sân nhuế. Tư duy sông tro kia đều là những thứ bất tịnh, các loại tướng đều phải từ bỏ. Nhờ đó, các loại tâm tưởng kia đều vĩnh viễn đoạn tận, không còn nữa, ngoại trừ sự quan sát vi diệu. Do hạnh nghiệp đã tạo đời trước nên không thể vượt khỏi biển sinh tử, dù hợp lại cũng khó qua. Những điều mà tâm ý ưa thích giống như hai loại cỏ già-xá và cứu-xá, bị trôi theo dòng nước chảy; chắm dứt mong cầu, đốn bỏ cội ưu sầu ở hai bên bờ sông xanh rì cỏ.

Các nghiệp mà thân đã tạo là như vậy: Cây cối sầm uất là các tiếng khóc lóc; trăm ngàn loại hạnh bất thiện đã tạo là tay cầm đá, cũng đều là việc làm bất thiện. Giống như trong biển có trùng lại đến cầu mong chỗ an vui nên bị các dục xoay vần làm tổn hại đến cảnh giới. Giận dữ bùng bùng, mắt như đồng đỏ; tâm muốn tu thanh tịnh nhưng dục tưởng tràn đầy tạo thành sông tro và các hầm hố hiểm trở. Sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngọt và sự xúc chạm trơn mịn đều là lưỡi gươm hữu lậu đầy khắp mặt đất, và có cái đầm lớn âm u không có ánh sáng, nước theo dòng chảy lên xuống nên gọi là sông.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng chư vị Bồ-tát tụy ở trong sinh tử vô lượng nhưng đều muốn lìa xa, liền khởi tâm: “Sông tro này hết sức hiểm trở, gai góc mọc đầy, vô cùng u ám không có ánh sáng, như thế mà các người ấy cứ mãi trôi lăn! Do vậy, Ta nay quyết phải đoạn trừ dòng sông ấy”. Khi phát lời thệ nguyện như thế rồi, liền tìm cầu phương tiện. Dùng pháp nhẫn làm phép tắc cho thế gian; cùng tạo thêm các phương tiện khác

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

như: thọ trì cấm giới, dùng đó làm nơi chốn an lạc; dùng bốn Hiền thánh để để quan sát bốn phương, phân biệt quyết định; dùng các pháp vô lậu để xem bờ sinh tử cheo leo trên núi đá. Sau khi đã chiếm cứ bờ sinh tử rồi liền đạt được thiện nghiệp, đấng nghiệp, đấng phương tiện, và các Tam-muội an lạc; với tám Hiền thánh đạo thấy đều phân biệt. Đã muốn đến bờ giác tất phải nhờ Thần túc lực, Ngũ căn, và muốn được Vô sở úy thì phải nhờ có chốn Niết-bàn; an trụ nơi Tam-muội cùng các thiền giải thoát ấy, phân biệt biết rõ trăm hoa tươi tốt không ra khỏi Vô vi.

Khi ấy Đức Thế Tôn vì nói Khế kinh nên theo dấu của Phật Định Quang, Phật Nhất Thiết Hoa Vô Thượng, Phật Tỳ-bà-thi mà sinh nơi chủng tánh dòng tộc như các Ngài để đảm đương việc thuyết pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Dù có sức vô hạn
Vẫn ôm lòng sợ hãi
Sông tro sâu không đáy
Kẻ ngu mãi vui đùa.
Bấy giờ dùng lực Phật
Cứu vớt người chìm đắm
Đưa đến chỗ an ổn
Dạy pháp yếu cho người.*

Thệ nguyện của vị Đại thương nhân đã thành tựu nên tâm tánh rất nhu hòa y theo các thứ công đức để tự trang nghiêm thân mình, giáo hóa phù hợp theo thời. Và vì chúng sinh quán sát cội rễ của các kết sử nên được trí tuệ hàng phục các kết sử xấu ác ấy; lại khéo tùy thời nên trí được thành tựu, khéo quán các căn nguyên nên pháp thường vi diệu; khéo nương tựu bậc trí, khéo tham vấn bậc trí để thành tựu cung kính nhân; khéo nói nghĩa lý của pháp đệ nhất. Thuyết pháp nghĩa biện khéo thành tựu, trí cứu cánh của Hiền thánh được thành tựu, pháp biện được thành tựu gọi là Nghĩa biện. Danh thân, Cú thân, Vị thân đều là dùng để phân biệt nhiều loại âm thanh. Sự khéo léo nghĩa biện kia giống như Danh thân, Cú thân và Vị thân này đều hướng tới cái thiện. Âm hưởng biện tài khéo hơn ba thứ biện tài này và cùng tương ứng với Tam-muội giải thoát, quay về với đạo, khéo biết lòng người. Khi trí được thành tựu rồi thì nếu có truyền trao quyết định điều gì cũng không dao động. Trước hết tham vấn ý nghĩa để thuyết pháp vô ngại, để rồi làm cho tâm đều hướng đến một con đường trí tuệ. Ngài đều đã thành tựu sự truyền thọ, thành tựu trí quyết định và thành tựu Vô xứ trí nên khéo khởi sinh tất cả các pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Có hiện trí tuệ báu
Cũng nói các nghĩa biện
Đạm bạc, không bằng Phật
Công đức cũng vô song.
Vốn bỏ tâm khứ lai
An lành hành tịnh tuệ
Để cứu nghiệp thế tục
Vì đời mở cam lộ.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy nên thuyết pháp như thế nào?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đó là theo sự yêu cầu trước mà đều làm cho sung mãn. Vì thuyết nghĩa của các đức giải thoát như thật không dối, đầy đủ pháp vị, nên tùy từng trường hợp dần dần ban cho nghĩa tương ứng, khoảng giữa đều phân biệt, trước sau cùng tương ứng, bao nhiêu loại cảnh giới đều tùy thuận ý mà thuyết pháp phù hợp với người đối diện. Với các pháp nghĩa thì có ý dừng mãnh, lại có các trí biến hóa được quả thật nên phân biệt pháp giới không có hạn lượng. Nhất thiết trí khởi lên pháp như vậy cũng không ỷ lại; đã loại trừ sự mong cầu giác ngộ pháp hạnh nghiệp cũng không tự khen mình. Thuyết pháp cho chúng sinh nên giải trừ các chứng bệnh cả gốc lẫn ngọn; thành tựu ba ý chỉ không ôm lòng mong cầu; nhiếp thủ mọi người khen là chưa từng có; khéo an trụ làm chỗ cho trời, người cung kính cúng dường.

Do vậy nên nói kệ:

*Như người diệt tận pháp
Miệng tuyên lời tối thắng
Khéo thuyết hạnh kiên cố
Trí tuệ thấy vô lượng.
Ngài như vị cam lộ
Ngoài không dính bụi dơ
Trong giữ sạch uestrước
Cũng không các ác hoạn.*

Ngài không có uestrước, trừ bỏ ngu si, căn ý thanh tịnh. Do xử lý việc bên ngoài nên thành tựu Phật nhãn, ý không vướng mắc cũng không có tỳ vết; do không có tạo tác tâm ý lỗi lầm trong quá khứ nên được vắng bật. Tất cả đều bình đẳng, tâm không dao động nên đạt Đệ nhất nghĩa. Khổ hạnh một đời, hay khổ hạnh nhiều đời cũng không có các tướng. Ở trong hàng Thanh văn hoặc dùng Thiên nhĩ nghe tiếng. Ngài ở trong thế tục không chấp thủ nên đạt được trí tuệ biết rõ tâm trí người khác và không bị lao khổ bởi các loại hạnh hữu vi. Vì chúng sinh Ngài tự phân biệt biết rõ các việc làm trong vô số đời trước. Nếu nay Ngài vui thích với tất cả hoạt khởi của sắc, hoặc dùng Thiên nhãn để quán sắc, các niệm tưởng cũng không đời, không động. Đối với các kết sử đã diệt Ngài quán chúng đều là phi nghĩa. Với thế nguyện tu khổ hạnh Ngài cũng không khởi niệm mong cầu nhờ chúng mà tâm được định tĩnh, thanh tịnh. Tâm dục nhiễm đã hoàn toàn vắng lặng nên trí của Ngài không còn chấp mê phân biệt theo trần thức. Ngài tự thân thể đạt, nương tựa Thắng nghĩa Niết-bàn (*Đệ nhất nghĩa đế*) để quảng truyền chánh pháp tại thế gian.

Do vậy nên nói kệ:

*Ý không có ngu si
Vắng lặng không tạo tác
Ý nghiệp Phật toàn giác
Cho nên con quy mạng
Vì chúng nhân thuyết pháp
Thanh tịnh không uestrước
Du hóa giỡn vườn, quán
Và các chốn ẩn học.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy phước điền có nghĩa là:

Nương theo phước điền ấy nên có hy vọng, cũng như căn cứ vào lúa mạch mà nói

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

một khu đất là ruộng lúa mạch hay ruộng lúa tẻ. Đức Phật Thế Tôn cũng như thế, y cứ theo phước đức nên gọi là Phước điền, cũng chính vì vậy nên Phật mới được gọi là Bạc Phước Điền. Ngài đã thực hành trăm ngàn hạnh nên thành tựu được phước điền ấy. Thánh Tuệ căn của Ngài, nơi phát khởi mọi hành nghiệp và tư duy đã giải thoát hoàn toàn. Ngài dùng thẳng trí ấy thuyết pháp, không khởi niệm tưởng diệt, cũng không có tâm phân biệt, trừ bỏ đoạn diệt các kiến thủ, không có các tưởng kiến ấy, tâm chí luôn bình đẳng. Do tâm chí bình đẳng nên pháp ngữ vi diệu của Ngài đều là thiện, không ác; âm thanh cũng không nhiễm ô. Thân Ngài đã thành tựu các việc ấy cũng không có tai hoạn, bệnh tật. Ngài đã thành tựu đức bình đẳng với tất cả các kiến sinh ra và với lời nói nên thành tựu được mạng căn. Do tâm thường trú trong hỷ lạc nên trong bất cứ thời nào cũng là toàn diệu, không phân biệt cao thấp. Phật là tối thượng, là bậc nhất trong tất cả chúng hội.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật, phước điền bậc nhất
Vô số kiếp thanh tịnh
Kẻ ngu không quán sát
Rơi vào chốn mê mờ.
Với người khéo tin theo
Thọ sinh có thể diệt
Nay trú niệm an ổn
Về sau tất an lạc.*

Lại nói:

Phật xuất hiện ở thế gian là vô cùng hy hữu, giống như hoa Ưu-đàm-bát cực hiếm, hết sức diệu kỳ. Ngài gánh vác tất cả khổ đau cho chúng sinh nên được ngợi khen là chưa từng có. Thế Tôn xuất hiện giữa thế gian tinh cần lao nhọc như thế. Vì có sự hy hữu ấy nên việc Ngài thị hiện giữa đời cũng rất đặc biệt, khác thường, không ai sánh bằng, vì đạo lớn mà Ngài sinh, không giống như Bích-chi-phật... sinh. Do Phật không phân biệt nên mới sinh như thế, giống như vầng thái dương xuất hiện không phân biệt hầm hố hay đất bằng đều soi chiếu tất cả. Vì có Đại trí tuệ như vậy nên Phật mới là phước điền cực tịnh chiếu soi, làm phát sinh và tăng trưởng lợi ích cho chúng chư Thiên như vậy. Các thiện hạnh đã đạt được như vậy nên Ngài xuất hiện tại thế gian truyền bá giảng dạy chánh pháp đem lại lợi ích cho muôn loại chúng sinh, đoạn trừ vĩnh viễn màn vô minh tăm tối ngăn che. Phật muốn lưu bố đạo giải thoát sinh tử ở thế gian để muôn loài theo đó tu tập và cũng muốn cho loại chúng sinh hữu hình đều được trang nghiêm. Khi ấy chúng sinh được thấm nhuần mưa pháp. Chúng hội bậc nhất đạt thành giải thoát tương ứng bởi do thấy chân lý nên các niệm ác vắng lặng. Phật nghĩ đến muôn loại chúng sinh nên thuyết pháp vị, làm cây cầu để cứu độ họ.

Do vậy nên nói kệ:

*Nếu có chúng sinh nào
Quán sát Đức Như Lai
Đều phát tâm hoan hỷ
Được xa lìa tai hoạn,
Là chúng hội an lạc
Hưởng phước vi diệu nhất*

*Thẳng tới đạo Niết-bàn
Tịch tịnh được giải thoát.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn giảng về sự giải thoát của Ngài:

Do tâm Ngài không tương ưng với ái dục, các triền cái nên gọi là giải thoát. Trong vô số kiếp từ vô thủy Ngài luôn tinh tấn tu tập, không hề giải đãi nên được vô lượng, vô biên công đức thanh tịnh không tỳ vết, không đoạn trừ nhân duyên phân biệt của cảnh giới giải thoát, cũng không khởi tưởng chấp pháp, sở nguyện luôn đầy đủ và không có tâm ganh ghét, đoạn tận hoàn toàn các cấu nhiễm, vượt thoát các ràng buộc của nghiệp trần, nhờ trí nên không ở trong sinh tử cũng không xả bỏ sinh tử, có trí tuệ giải thoát khỏi mọi phân biệt, giống như trăng mùa thu soi sáng nơi tăm tối, làm cho tất cả đều được sáng bừng, lại chẳng khác dòng nước thấm nhuần cây cối làm chúng nở hoa theo đúng thời; cũng giống như dòng nước tuôn chảy, tùy theo dòng xoay chuyển mà sinh ra bọt nổi, cho đến cuối dòng đều tan mất. Thế Tôn cũng như thế, đã chứng Vô dư Niết-bàn, giải thoát dòng nước xoáy.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật hay diệt các ác
Đạt giải thoát tối diệu
Trừ tối, soi sáng khắp
Như trăng sáng trời sao,
Đêm ngày không thay đổi
Thường trụ không lay động
Đã được pháp giải thoát
Trí tuệ chiếu thế gian.*

Lúc đó Đức Thế Tôn giảng về Tận trí của Ngài:

“Ta đã chứng Phân biệt tận trí, đã trừ Khổ, Tập, đã chứng đắc Diệt và tu hành Đạo đúng như lời khen ngợi.” Những công hạnh tu tập của Ngài đều để xét tìm tận nguồn gốc và trị lành căn bệnh dâm, nộ, kiêu mạn, dùng trí bình đẳng để diệt trừ dâm dục. Đó là trí như thật không hư dối của Niết-bàn. Ví như có người đang chịu các khổ não không thể thoát được, cũng không thể trị dứt nguồn gốc của căn bệnh hiện tại nên luôn nhớ nghĩ đến cảnh giới vi diệu. Cũng như thế, tất cả chúng sinh đều nên tu tập đoạn trừ hết các kết sử và dứt tận ấm cái. Ví như vị lực sĩ bị các căn bệnh không thể chịu được, chưa tìm ra phương thuốc nên không thể trị dứt bệnh được. Tai họa của dâm, nộ, si cũng như thế, chỉ dùng Tận trí mới khiến cho chúng sinh được hoan hỷ. Giống như một người luôn sợ chỗ hiểm nạn, bản thân có các thứ bệnh tật khổ não, gặp được một ao nước tắm trong sạch không có bụi nhơ, hai bên bờ ao có gió mát thổi đến, nhìn xuống tận đáy nước thấy cá, rỗng bơi đùa; trời xanh trong vắt không một bóng mây che; hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-đà nở đầy khắp ao, cành lá hoa quả đều sinh trong nước, lại có các loại cây vi diệu mọc trong đó, nếu ai thấy được đều sinh tâm hoan hỷ. Do vậy người ấy ở trong ao ấy tắm rửa, tẩy trừ các khổ não, lại cũng không cảm thấy đói khát, sau khi tắm xong được hoan hỷ an lạc, trong ao tắm đó lại có luồng khí nhẹ từ đáy ao thổi lên. Trong lúc quan sát, người ấy hoặc ngồi hoặc nằm trong ao đó. Thế Tôn cũng như thế, những dâm, nộ, si đã tạo đều đã trừ hết; trong cội nguồn sinh tử, hiện ra ao tắm như vậy. Thế Tôn đã bạt trừ hết khổ não cho chúng sinh trong ba cõi, làm chiếc cầu để đưa họ sang bờ giải thoát như thế nào? Phật đã dùng đẳng kiến (*cái thấy bình đẳng*) giống như ao tắm mát mẻ; tâm chánh định bình đẳng thanh tịnh, ý chí bình đẳng kiên cố, không chuyển dời giống

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

như các loài cá, rồng được giải thoát kia; từ dung Phật không có gì so sánh bằng, giống như hoa Ưu-bát, hoa Câu-văn-đà ngắm mãi không chán. Trí tuệ Phật như đám mây dày, Tam-muội của thế tục không để trong tâm, nên được đại chúng vây quanh. Nếu ai tắm trong ao ấy thì được hoan hỷ, nhẹ nhàng vô cùng. Tắm rửa trong ao tắm pháp, nếu uống nước trong đó thì các thứ dâm, nộ, si đều được trừ sạch hoàn toàn, cũng không gặp các tai họa hay đói khát. Người ấy thành tựu pháp như vậy.

Thế Tôn lại dùng pháp ấy tuệ thí, đưa tất cả chúng sinh đến Niết-bàn, việc cần làm đã làm xong, tâm không sợ hãi, đạt đến chỗ giải thoát an ổn, tâm an lạc dẫn tới cảnh giới Vô dư Niết-bàn. Và cũng khiến chúng sinh theo thiện pháp. Lúc bấy giờ Đức Phật Thế Tôn an tọa không động.

Do vậy nên nói kệ:

*Ngày đêm Phật hoằng hóa
Muốn khiến chúng sinh an
Tâm giải thoát, hoan hỷ
Vắng hẳn mọi khổ sầu.
Phải sống mãi trong đời
Họa tai luôn bức bách
Cần theo Khổ tận trí
Lìa dục đến với Đạo.*

Lúc ấy Thế Tôn dạy về Vô sinh trí mà Ngài đã thân chứng:

Bậc đạt được Vô sinh trí là người đã hoàn toàn biết rõ: “Ta đã thấu đáo hoàn toàn Khổ; Khổ đã hết thì Tập cũng không còn; hiểu rõ Tập đã hết nên không còn phải tu tập để hiểu rõ chúng nữa; Ta đã tu tập Đạo viên mãn nên không còn phải tu Đạo nữa”. Hiểu rõ như vậy nên gọi là Trí vô sinh. Cho nên Trí vô sinh là trí đại công đức, là trí giác ngộ khởi lên khi đã diệt trừ hoàn toàn cội nguồn sinh tử. Giống như gieo lúa giống phải tùy thời tưới nước, nhờ đầy đủ nước đúng thời hạn cây mạ lớn dần tươi tốt, cỏ dại không sinh. Đức Thế Tôn cũng như thế, hạt giống của thức bị lửa trí tuệ thiêu đốt, nên mỗi thức dần dần chuyển thành trí vô dục, tận trừ mọi thức xứ (*ý niệm phân biệt*), cội nguồn của sinh tử và cũng không thường trụ trong các hành (*tạo tác*) đã qua. Ở trong trí ấy khởi lên tâm ô nhiễm là việc không thể có. Các ý niệm tạo tác (*ý nghiệp*) trong tâm cũng không còn tạo tác nữa.

Do vậy nên nói kệ:

*Ai khởi Vô sinh trí
Chư Phật đều ủng hộ
Biết rõ nguồn gốc khổ
Vượt khổ não, họa tai.
Trí ấy không khiếp nhợt
Thanh tịnh không tỳ vết
An tọa nơi đạo tràng
Ý không sinh không diệt.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn truyền giảng giới pháp, độ cho tất cả nhân dân trong các thành ấp, thôn xóm đều vâng giữ đầy đủ giới cấm. Người vi phạm là người không vâng giữ cấm giới, người diệt trừ tâm ác là người vâng giữ giới luật và thực hành theo Thập thiện hạnh (*Mười hạnh lành*). Ngài độ cho tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đều có

công đức như nhau. Ngài đã thành tựu các công đức như vậy. Ở trong chúng có công đức ấy, không ai có niệm loạn tưởng. Trong chúng có người siêng năng nỗ lực tu hành, theo thế nguyện trước kia Ngài đều hộ trì cho họ đạt được kết quả. Với người không hoan hỷ thì Ngài đều khiến cho hoan hỷ. Với những người hoan hỷ do đã tạo các công đức trong các đời chư Phật quá khứ, Ngài nhắc lại để khuyến tấn họ tu hành.

Bậc Vị Tăng Hữu ra đời, có công đức giải thoát, hàng phục ngoại đạo, đối với người biết tầm quý thì làm cho họ được an ổn. Do giữ gìn oai nghi phạm hạnh nên họ đều tận trừ các lậu hoặc ngay trong khi Phật thuyết pháp, tâm đoạn tận gốc rễ và cành nhánh lậu hoặc khiến chúng không còn sinh lại nữa, tất cả đều đạt đạo. Lời Ngài dạy khiến cho phạm hạnh được tồn tại lâu dài, trời người được an ổn. Lời Ngài giáo giới, chúng sinh đều thọ trì đọc tụng.

Các Tỳ-kheo tùy theo chỗ phạm đều tránh xa. Sau khi giáo giới xong, Phật đã khuyến tấn đệ tử cần nỗ lực giữ gìn cấm giới như chim Khổng tước giữ gìn bộ lông, như loài trâu bảo vệ đuôi của nó.

Do vậy nên nói kệ:

*Như Lai chế cấm giới
Vi pháp mà truyền dạy
Giữ giới vui đệ nhất
Giống như đội mào trời.
Nếu ai sống trong giới
Được chánh định Tam-muội
Chớ nên phạm giới pháp
Như biển không vượt bờ.*

Lúc ấy, Đức Thế Tôn có tướng đầu vi diệu bậc nhất, kiên cố, không khuyết lậu, khiến chúng sinh ngắm nhìn mãi không chán, không ai có thể ngăn cản phá hoại được. Đầu Ngài đầy đặn như chiếc lọng tròn, tướng nhục kế của Ngài là tối thắng, tướng ấy không ai có thể thấy được cũng không ai có thể có được. Tóc và lông mày của Phật rất vi diệu, mọc rất khéo, phân biệt rất rõ ràng. Tóc ấy mịn màng, ánh lên sắc xanh biếc vô cùng kỳ diệu.

Do vậy nên nói kệ:

*Thích, Phạm và nhân loại
Đến chiêm ngưỡng Ngài sinh
Phật ở trên tất cả
Không ai thấy danh Ngài.
Ngài vốn không khinh mạn
Đản sinh dòng Thích vương
Bởi do quả báu ấy
Nên được tướng Đảnh thượng.*

Thuở ấy, tóc của Đức Thế Tôn rất vi diệu, rất đẹp, mỗi sợi tóc đều nhẹ và mềm mại, không so le cũng không rối loạn, đều bằng nhau và xoắn theo phía phải như đường xoắn của vỏ ốc, có đầy đủ các tướng lành. Các sợi tóc mềm nhẹ ánh lên ánh sáng rực rỡ trong lành, nhẹ chiếu soi, không ánh sáng nào sánh bằng, giống như loại tơ nhẹ và mềm nhất, không có gì có thể mềm nhẹ hơn, cũng không thể làm hư hoại được. Những ai thấy qua tướng ấy đều được phước an ổn bậc nhất. Tóc ấy lại có đầy đủ tất cả các loại hương

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

công đức lành xông ướp. Có được tướng như vậy là do Ngài đã tu tập đầy đủ các hạnh, thành tựu trí tuệ Vô thượng Đẳng chánh giác.

Do vậy nên nói kệ:

*Mềm nhẹ, không dài ngắn
Tóc có sắc biếc xanh
Dung nhan Phật thanh tịnh
Như trăng sáng đêm thanh,
Các làn hương thoảng xa
Thường thức đều phân biệt
Theo gió hương nhẹ tỏa
Như mùi hương chiên-đàn.*

Vầng trán của Đức Thế Tôn như vậy: Bền chắc như kim cang, bằng phẳng, thẳng ngay cũng không có dấu nhăn gập. Ai nhìn thấy đều sinh tâm hoan hỷ, ngắm mãi không bao giờ chán. Vầng trán ấy không có một vết dơ, không trắng cũng không đen, rất đầy đặn bởi vì hành nghiệp của Ngài không có khuyết lậu, ai thấy cũng hân hoan, không sinh ý tưởng ác hại. Mắt Thế Tôn thanh tịnh, không có tỳ vết, mọi người trông thấy đều được tất cả sự tốt lành. Như Lai đã tu tập viên mãn vô số trăm ngàn công hạnh nên về sau mới được tướng vầng trán lành ấy.

Khi đó liền nói bài kệ:

*Rất vi diệu thanh tịnh
Thoát hẳn các hạnh ác
Trán Phật khó nghĩ bàn
Như ngà voi trong sáng.
Chính Ngài đã từng dạy
Trán Như Lai tuyệt đẹp
Thanh tịnh như hư không
Ai thấy cũng hoan hỷ.*

Bấy giờ Đức Như Lai có tướng lông trắng giữa đôi chân mày, nơi phát ra ánh sáng rực rỡ nhất trên dung nhan của Ngài. Chòm lông ấy trắng tuyền như màu sữa trâu; như lụa the trắng nõn; như màu tuyết trắng; như mặt trời mới ló dạng; như hoa Câu-văn-đà. Sắc rất trắng không có gì sánh bằng; như ánh trăng mùa thu vô cùng trong sáng. Chòm lông ấy xoắn vòng theo phía phải, không quá cao cũng không quá thấp, không làm chướng ngại mắt. Ai thấy được tướng ấy sẽ không vướng phải các loại bệnh. Mỗi sợi đều dài bằng khuỷu tay. Chòm lông đó có ánh sáng cực kỳ vi diệu, không thể nghĩ bàn, bao nhiêu luồng ánh sáng từ đó phóng ra đều thấu về nơi phát xuất. Tất cả sự vi diệu ấy đều do công đức xưa kia Ngài đã tạo, giống như sự vi diệu của khuôn mặt. Thế Tôn ở trong đại chúng mà tuyên nói giáo pháp.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật tu vô số hạnh
Nên được tướng lông trắng
Đó là ruộng phước tốt
Là quả báo bốn hạnh,
Không thô cũng không tế
Cuốn theo phải rất đẹp*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Bề dài bằng khuỷu tay
Ba đời đều thấy rõ
Tướng giữa mây Như Lai
Thanh tịnh không tỳ vết
Giống như núi An minh
Đứng đầu trong các núi.
Tự tại trong các pháp
Làm chúng sinh thanh tịnh
Cũng như tướng mặt tròn
Tướng giữa mây tuyết đẹp.
Sắc ấy do hành tạo
Giải thoát không gì hơn
Đã diệt ý cấu uế
Chúng sinh đồng thanh tịnh.*

Đức Thế Tôn có đôi mắt sáng trong, tuyệt đẹp như sắc hoa trăm cánh, mỗi cánh đều tách rời, không chỗ u tối nào mà không chiếu sáng; xanh biếc như màu trời, như sắc hoa Ưu-bát¹, hoa Văn-đà-la. Đôi lông mi của Ngài trắng tuyền bạc nhất, không có gì sánh bằng, như mắt chim ưng chúa không khác. Mắt Ngài ngấm nhìn thấy rõ ràng tất cả quốc độ ở bốn phương, cũng thấy và phân biệt rõ tất cả những loại vật có hình tướng trong các quốc độ ấy. Đôi mắt Ngài không có dục cũng không hiểm ác, không giận dữ cũng không tương ứng với giận dữ. Ngài quán sát những hành động thiện ác của chúng sinh trong các quốc độ đó, nếu có những việc vi diệu Ngài có thể thấy rất rõ ràng, cũng không có tâm sợ hãi hoảng hốt. Do tu hạnh từ bi nên Ngài luôn có cái nhìn yêu thương, không tà kiến, luôn hoan hỷ không nhầm chán trong việc hộ trì các thiện pháp, phân biệt rõ ràng chi tiết và truyền bá các pháp ấy cho tất cả chúng sinh trong mọi quốc độ. Đôi mắt Ngài không có bất cứ sự xấu xa nào, không giải đãi và có năng lực thấy biết như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Mắt Phật đẹp, cực sáng
Không có gì ngại chướng
Đã tạo trăm phước đức
Sau mới thành Như Lai.
Thiện pháp rất thanh tịnh
Cũng không có khổ não
Sắc mặt như Thiên vương
Là cam lộ xuất hiện,
Pháp tướng cũng đầy đủ
Cũng không có khổ họa
Cũng như tấm gương sáng
Hiện khuôn mặt ở trong.
Chúng sinh nhìn thấy Ngài
Ngắm mãi không nhầm chán*

¹. Ưu-bát: Gọi đủ là Ưu-bát-la (Sanskrit: Utpala, Pāli:Uppala), còn phiên âm là Ô-bát-la, Âu-bát-la, Ưu-bát-lạt, là tên một loại hoa, dịch là Thanh liên hoa (Hoa sen xanh).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Sau khi thành Chánh giác
Diễn thuyết pháp cam lộ.*

Đức Thế Tôn có tướng mũi vi diệu như thế là do trong vô số trăm ngàn kiếp sinh ra, với tất cả các loại trí tuệ Ngài đều phân biệt rõ; ở trong chốn sinh tử, Ngài đã nhổ gai ái tình, lòng mong vượt đến bờ bên kia, muốn chặt đứt tất cả gai ái dục. Vì người thế gian nên Ngài siêng tu tập các khổ hạnh như thế, dùng tuệ để thí pháp hay lấy giới độ thoát cho người. Lời Ngài dạy từ xưa đến nay đều đầy đủ tất cả nghĩa lý, không uế tạp, nhằm trị lành các ung nhọt, phiền não, giống như ánh quang của đồng vàng là sáng bậc nhất. Tâm Ngài luôn vui thích mong đạt được giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không hề đối trá nên Ngài đã hiển bày, truyền dạy rộng tất cả hạnh tu thiết yếu mà Ngài đã tu tập.

Do vậy nên nói kệ:

*Vi diệu không uế tạp
Mũi Phật đẹp bậc nhất
Giống như chim Anh vũ
Nên chúng sinh quy mạng.
Đối trước tôn nhan Ngài
Mọi người đều kính ngưỡng
Mũi Như Lai tối thượng
Như hoa Lại-tân-đà.*

Đức Thế Tôn có bộ răng như sau: Không sứt mẻ, thẳng đều, không cao thấp, tợ như màu vỏ ốc, màu tuyết lại cũng như màu hoa Câu-văn-đà-la. Răng Ngài có đầy đủ các điều tốt đẹp, màu trắng tuyền, vô cùng trong sạch, có hào quang sáng, đều đã thoát khỏi các ác hạnh, giống như ngọc kim cương cứng chắc không thể bị phá hoại, làm hư hại. Răng của Như Lai có bốn mươi cái, hàm trên và hàm dưới đều có bốn răng cấm. Hàm răng trên có tướng bánh xe ngàn cây tăm.

Do vậy nên nói kệ:

*Răng Như Lai thẳng đều
Thuyết pháp rất vi diệu
Đều đặn không dư thiếu
Giống hoa Ba-đề-lặc,
Sắc đẹp không thay đổi
Mắt lành sáng trong ngần
Răng vuông đủ bốn mươi
Trong các đức của Ngài.*

Đức Thế Tôn có tướng lưỡi rộng, dài như thế là do Ngài chưa từng nói dối. Lưỡi Ngài có màu tươi đẹp, không thể hư hoại giống như hoa của cây A-thư-già (*hoa Vô ưu*), lại như cánh hoa sen rất trơn mịn, mềm mại. Ngài cũng không nói lời thô ác, thù dật, đã trừ bỏ các tai họa của dâm, nộ, si nên sinh vào chỗ tốt lành, vui sướng an lạc mà thành tựu cấm giới. Các lời Ngài dạy khiến cho mọi chúng sinh đều được giải thoát, lấy Pháp trí để tế độ kẻ bần cùng. Ngài đã được giải thoát đối với vị ngọt của dâm, nộ, si; tất cả đều do bốn hạnh của Ngài tạo ra. Tướng lưỡi của Như Lai vô cùng vi diệu, khi đưa lưỡi ra lưỡi ấy che trùm cả mặt.

Do vậy nên nói kệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Trăm phước đức tu tập
Lưỡi Như Lai bậc nhất
Răng môi đều ngay thẳng
Thường nói pháp cam lộ.
Ném được tất cả vị
Đồ ngon hay không ngon
Đều phân biệt tinh tường
Rõ ràng không lẫn lộn.*

Đức Như Lai có những ngôn giáo như sau: Khi dạy về các pháp hữu lậu, tu thiện, âm thanh Ngài nói ra không thô lậu, ngôn từ và các đức khác đều đầy đủ vô lượng công đức. Khi dạy về các pháp hữu thường, vô thường, tâm chí Ngài không khiếm nhược; lời giảng lại vô cùng sâu xa vi diệu bậc nhất. Những lời Ngài giảng dạy hoàn toàn không gây ra phiền não, mọi nghĩa lý đều tương ứng với duyên khởi trong quá khứ và hiện tại, khéo phân biệt pháp, tùy thời dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh, tuyệt không có lòng sân hận. Ngài tự trang nghiêm thân, tâm ý trú trong định làm vui, cúng dường bậc trí, khen ngợi người danh tiếng đều tùy theo từng tướng loại của chúng sinh, tựa như loài chim Hồng ưa thích vực sâu, ao nước. Nếu có chúng sinh gặp phải trăm ngàn khổ não Ngài đều cứu độ, làm cho tất cả muôn loài đều được hoan hỷ. Với chúng sinh đang ở trong vòng sinh, già, bệnh, chết, Ngài đều độ được giải thoát. Ngài không có tướng mong cầu được hạnh tối thắng. Tâm Ngài tự tại không buộc ràng, thực hành các hạnh lành trong hiện tại nên đạt được hạnh giải thoát hy hữu. Cũng như người dùng thuyền qua biển không hề sợ hãi, Ngài đã vượt qua tất cả sinh tử nên được ca ngợi là Bậc Thiên Đức. Công đức Ngài vi diệu nên khi thọ mạng chấm dứt, tâm ý Ngài đạt đến cảnh giới Niết-bàn, được pháp cam lộ, diệt tận cội nguồn của tất cả sinh tử, giảng dạy hướng dẫn rõ các pháp thiện ác, người nghe không có tâm sợ hãi, như ánh sáng không ngăn ngại.

Do vậy nên nói kệ:

*Lấy chánh pháp chỉ đường
Cúng dường công hạnh Phật
Dùng nhẫn làm sức mạnh
Như nhụy nở hoa khai,
Pháp cam lộ tròn đủ
Người si ám não phiền
Hưởng được pháp vị ấy
Vượt thoát vùng sinh tử.*

Đức Thế Tôn có giọng nói như sau: Âm thanh trong các lời nói của Ngài có đầy đủ công đức, không thô lậu, giống như tiếng chim Yết-tỳ hết sức vi diệu, âm thanh vang xa khắp bốn phương, mọi người nối tiếp nhau đều nghe được lời Ngài dạy. Ở trong các loại chúng sinh Ngài có năng lực ấy; Ngài không rời khỏi chúng nhưng muôn loài đều nghe được thanh âm thanh tịnh. Tất cả công đức đó đều do công hạnh xưa của Ngài tạo ra. Thanh âm của Ngài như tiếng Phạm âm, như tiếng hót của chim Loan phượng. Vào lúc đó, mọi người đều được nghe năm loại âm thanh thậm thâm vi diệu của Ngài. Có khi Ngài dùng lời dạy răn để hàng phục chúng ngoại đạo, như trường hợp cải hóa con rồng dữ làm cho nó thay đổi tập tánh cũ. Từ quá khứ xa xưa Ngài đã có sắc diện rất mỹ diệu, không bao giờ lộ vẻ khiếm sợ, yếu hèn như thế. Nếu dùng nhục nhãn xem xét cũng có thể thấy rõ. Tâm Ngài định tĩnh, không tham trước, không tương ứng với các vị ngọt của

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

dục. Nội tâm Ngài luôn trụ trong định không nhàm chán cho là đủ, không xung động, cũng không tương ứng với sân hận. Đó đều là do quả báo công đức tu tập của Ngài mà có, cho nên nói: “Vị Sa-môn an lạc có tâm như vậy, y cứ theo tâm đó sẽ có năm loại âm thanh như thế. Đã từng nghe tiếng nước chảy xong lòng hoan hỷ, hướng chi nay được nghe lời dạy Phật làm tăng trưởng lợi ích cho căn lành, chúng sinh nghe thanh âm của Ngài sinh tâm hoan hỷ, càng được lợi ích giải thoát”.

Do vậy nên nói kệ:

*Thanh âm Phật nhu hòa
Tâm Phật luôn tịnh lạc
Khéo tin đến nghe pháp
Công đức vô hạn lượng.
Chúng sinh nghe pháp âm
Từ bốn hạnh Phật xuất
Có thể biết Phật âm
Vượt năm trăm Khổng tước.*

Đức Thế Tôn có dung nhan như vậy: Vô cùng thanh tịnh, không có vết dơ, hết sức trang nghiêm, đẹp đẽ không gì sánh bằng. Đôi mắt Ngài lành đẹp, mọi người nhìn ngắm mãi không chán, trái tai thả xuống, môi có màu đỏ hồng như vàng ròng của cõi trời, răng trắng tinh vi diệu không gì hơn, khuôn mặt Ngài đầy đặn, không một vết dơ, cũng không sọc lở. Gương mặt Ngài không có nét sầu lo hay khổ não, ai nhìn thấy cũng đều hoan hỷ, công đức ấy không thể kể hết. Do công hạnh tu tập trong quá khứ nên có được mùi hương thơm bậc nhất. Dung nhan Ngài như vầng trăng tròn trong lành, không uest trước, đáng tôn kính nhất. Khi Ngài ngồi kiết già thuyết pháp cho đại chúng, người ngồi trước hay sau đều thấy được mặt Ngài. Khi tọa thiền xong, việc đầu tiên của Ngài luôn là thuyết pháp cho đại chúng.

Do vậy nên nói kệ:

*Muôn loài đều vui sướng
Mong thấy sắc diện Phật
Do ngắm diện Thế Tôn
Như vầng sáng trăng rằm
Được lợi vui đệ nhất
Không ai bằng Như Lai
Ngày rằm trăng tròn sáng
Nên nói như diện Phật.*

Đức Thế Tôn có tướng đầu như sau: Do thiện sinh, kiên cố, trang nghiêm, đẹp đẽ không ai sánh bằng, không cao cũng không thấp, cân đối với thân, nhan sắc bậc nhất. Như sức của trời Na-la-diên², không thể diệt tận, nơi tướng đầu của Ngài phát ra quang sắc màu hoàng kim vô cùng mỹ diệu, cực kỳ trong lành, tất cả đều không chướng ngại.

Do vậy nên nói kệ:

*Tròn đầy rất vi diệu
Tích công hạnh nhiều đời*

² Chánh văn: 那羅延天八臂 (Na-la-diên thiên Bát tý), Bát tý thiên 八臂天 : Thiên thần tám tay, chỉ trời Na-la-diên. Tuệ Lâm Âm Nghĩa, Q.6: “Bát tý thiên, đó là chỉ trời Na-la-diên”.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Nên được tướng đầu kia
Đứng đầu trong dòng Thích.
Không gì làm xâm hại
Nơi Như Lai phát ý
Muôn loài trong ba cõi
Tán thán đức tướng Phật.*

Đức Thế Tôn có tướng cánh tay như sau: Do thiện sinh, không ai sánh bằng tựa như núi Tu-di. Vai Ngài cũng đẹp vi diệu, không ai bằng, không cao không thấp, vô cùng mềm mại mịn màng giống như loại danh mộc bậc nhất Ta-lô, mềm mại vi tế, không thể bị tổn hại; lại tựa như hoa Chiêm-bạc mềm mại vi tế, không thô kệch. Trên cánh tay Ngài sinh ra các sợi lông mềm màu xanh biếc, mỗi sợi đều cuốn theo phía phải, rất mềm mại mượt mà, bất cứ ai thấy cũng đều khởi tâm hoan hỷ. Khi Ngài duỗi cánh tay cực diệu ấy ra là hàng phục loài ma, có địa thần chứng biết.

Do vậy nên nói kệ:

*Như cây Thế-già-cừu
Hàng phục các ma chúng
Lại như chày Kim cang
Cho nên quy mạng Phật.
Là Đạo Sư ba cõi
Là nguồn sáng chánh pháp
Tâm Phật không hạn lượng
Nên theo Bạc Tối Thắng.*

Đức Thế Tôn có tướng bàn tay như sau: Hết sức mềm mại, mịn màng, mỹ diệu không ai sánh bằng, cũng không ai phá hoại được, không nứt mẻ, tròn đầy như đỉnh núi cao. Lòng bàn tay Ngài có tướng Thiên bức luân (*bánh xe ngàn cãm*), giữa các ngón tay có làn da mỏng dính liền, móng tay rất trắng sạch như mặt trời chiếu sáng, như hoa Ưu-bát đã nở tung, cánh hoa rất mềm mại. Khi Ngài thuyết pháp, chúng sinh đến nghe, không ai mà không được độ thoát, lời nói của Ngài luôn tùy thời, đúng với bốn hạnh. Khi Ngài mở bàn tay phát ra ánh sáng chiếu suốt. Nếu có chúng sinh nào tìm theo ánh sáng từ bi ấy đi đến đều được độ thoát. Ngài giảng dạy, phân biệt rõ để chúng sinh bỏ ác theo thiện, thuyết pháp về bốn hạnh tiền thân để họ luôn được từ bi, hoan hỷ và phát khởi lòng mong cầu trừ bỏ ác hạnh, tu tập các thiện hạnh. Ngài dạy chúng sinh: “Tất cả đều là khổ, chớ theo duyên trần cấu nhiễm, nên nhàm chán tai họa sinh tử”. Ngài khiến cho chúng sinh thanh tịnh, khởi lòng mong cầu trừ bỏ mọi sự huyễn hoặc. Xưa kia khi Ngài ngồi thiền, tất cả chúng ma cõi trên các loại xe cộ do la, lừa, lạc đà, voi, ngựa, trâu bò, sư tử, chó, heo, dê kéo đến chỗ Ngài; hoặc mang đầu ngựa thân người và các thứ hình dạng khác, cầm đao, mang cung tên, đánh chuông, vỗ trống, làm đủ hình thức ma quái muốn đến hại Đức Phật. Lúc đó Đức Thế Tôn lấy ngón tay chỉ xuống đất, núi cao, rừng rậm, thành quách, khe suối, ao tắm, các nguồn nước đều hiện ra đầy dẫy trên bảo, hoặc hiện ra đầy vàng trong bát. Như vị lực sĩ dùng tay gõ vào bát ấy liền phát ra âm thanh, tay Ngài đã vận chuyển bánh xe pháp hết sức vi diệu, không ai sánh bằng.

Lúc bấy giờ, chúng ma cúi lạy Đức Phật xong liền nói bài kệ:

*Nghiệp thanh tịnh đệ nhất
Chuyển pháp luân vô thượng*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Tay Như Lai vi diệu
Rất đẹp không ai bằng.
Tay Ngài chuyển pháp luân
Pháp luân ở một chỗ
Không thấy chỗ trụ xứ
Không thấy người chuyển pháp.
Khi Ngài chuyển pháp luân
Thuyết pháp theo căn tánh
Nhờ Ngài chuyển pháp luân
Chúng sinh được an lạc.*

Đức Thế Tôn có thân tướng như sau: Thật cân đối ngay thẳng, không khuyết lậu, đầy đủ giới tướng, bộ ngực như ngực sư tử, công đức tròn đầy, toàn thân cân xứng, màu da như sắc hoa Ưu-bát, cũng không bại hoại. Khi Ngài kinh hành luôn nhiều về bên phải. Thân Ngài không cao cũng không thấp, hết sức mềm mại, vi diệu. Lông trên da Ngài đều xoay theo phía phải, vi diệu gấp bội, không có gì sánh bằng, luôn tỏa ra mùi thơm như mùi hương của hoa Chiêm-bạc-ca. Ngài không trẻ cũng không già, trên thân Ngài không có điểm nào không cân xứng. Ngài không tương ứng với sân hận. Các căn trên thân đầy đủ, là thân hy hữu ở thế gian. Thân kim cang của Ngài rất kiên cố, rất vi diệu; hành tướng không chậm cũng không gấp, phân biệt rõ với chúng sinh. Bất cứ ai thấy thân tướng Ngài đều phát tâm hoan hỷ, ngắm mãi không chán. Thân Ngài cao bảy thước, sừng sững như núi An minh. Ở trong đại chúng, Ngài như voi chúa giữa đàn voi, là Bạc Đệ Nhất, giống như vua Na-la-diên, không có thứ gì có thể làm tổn hại.

Do vậy nên nói kệ:

*Tu hành trong trăm kiếp
Tối Thượng giữa chúng nhân
Nay Ngài được sắc thân
Không ai có thể sánh.
Đã diệt dâm, nộ, si
Vĩnh viễn không còn ác
Cho nên nay đánh lễ
Sau khiến con như Phật.
Nếu khởi dâm, nộ, si
Liên tiêu diệt tức khắc
Chiêm ngưỡng dung nhan Phật
Thân con hết nạn khổ.*

Đức Thế Tôn có phần trên của bụng như sau: Trên dưới cân đối đẹp đẽ, vi diệu không ai bằng, không có chỗ nào không bằng phẳng, khiến mọi người nhìn thấy đều hoan hỷ.

Do vậy nên nói kệ:

*Bụng trên Phật lành đẹp
Bạc nhất không gì hơn
Nếu có ai nhìn thấy
Tâm không còn cấu phiền.
Sinh lông mềm vi diệu*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Khi đứng ánh sắc vàng
Lại không thọ các loài
Quán sắc tối diệu ấy.*

Đức Thế Tôn có vùng bụng dưới thế này: Tròn đầy dần lên đến bụng trên, thon nhỏ tương xứng với thân, giống như bụng của loài nai, có ánh sáng lành thanh tịnh, không ai bằng.

Do vậy nên nói kệ:

*Bụng Như Lai vi diệu
Sắc đẹp không ai bằng
Xem xét tất cả tướng
Từng tướng đẹp khó lường,
Phải biết tướng diệu ấy
Được thế gian ngợi khen
Về sau sẽ diệt độ
Cho nên quy mạng lễ.*

Đức Thế Tôn có đôi chân như vậy: Bước đi an lành, đứng vững vàng, nghiêm trang, không dao động, vô cùng vi diệu. Ngón chân của Ngài dài, da mịn màng, có đầy đủ trăm phước tướng. Đó là do nhờ Ngài đã tu khổ hạnh nên sau mới được như thế. Ngài vì muốn độ thoát cho người thế gian nên đã đi đến đạo tràng. Những người nghe pháp âm của Ngài tựa như được nghe tiếng của Long vương, mắt dõi nhìn chăm chú, không di động. Ánh sáng công đức của Bạc Chánh Đẳng Giác gấp trăm ngàn lần ánh quang vi diệu của ngọc anh lạc, ánh sáng ấy không có gì sánh bằng. Do công đức xưa nay của Ngài như thế, nên con cúi lạy dâng kệ:

*Niệm ái không xâm hại
Nay cúi lạy chân Ngài
Cũng lạy Như Lai đảnh
Phật giải thoát chúng sinh.
Nếu ai có niềm tin
Đó là người tối thắng
Chân Phật đẹp mịn, trắng
Cho nên con quy mạng.*

Đức Phật có tướng pháp luân như vậy: Rất tròn, không tạp uế, cũng không thô lậu. Tướng ấy rất vi diệu, có hình bánh xe đủ ngàn căm đều đặn. Thân Ngài đầy đủ các căn. Do Ngài đã tạo các hạnh nghiệp lớn nên được tướng Chuyển luân thánh vương có bốn đức vang lừng: 1. Đầy đủ cảnh giới; 2. Tâm không khiếm nhược; 3. Có năng lực như A-tu-luân lấy tay che khuất ánh sáng của mặt trăng; 4. Khi Phật chuyển pháp luân liền có ánh sáng lớn xuất hiện. Giống như vào tiết xuân, không gian không bụi bặm, bầu trời cũng không có mây che, vào lúc nửa đêm, vầng trăng không bị mây che khuất, phóng luồng ánh sáng lớn, ánh sáng ấy cũng như thế. Chuyển luân thánh vương vốn không có tướng ấy của Đức Như Lai.

Do vậy nên nói kệ:

*Người đời thọ trăm tuổi
Thường lìa thế ra đi
Phật có tướng chuyển luân*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Như hoa sen nở rộ
Cũng như núi An minh
Cao vượt là bậc nhất
Xưa Như Lai gieo phước
Tu tập nên được vậy.
Trời Đế Thích rời cung
Đến thỉnh: Nay đến thời
Chư Thiên đồng tán dương
Như Lai chuyển chánh pháp.
Nếu ai biết tướng ấy
Dẫu chỉ nhìn thoáng qua
Đều có một tâm niệm
Không ai hơn Đức Phật.
Chí tâm Phật vững bền
Phóng quang chiếu muôn nơi
Như vàng dương soi sáng
Độ tận khắp muôn loài.*

Đức Thế Tôn có tướng đi như thế này: Ngài bước chân phải chạm đất thì động tác ấy không chậm không mau, bước đi ngay thẳng cũng chẳng vội vàng, chẳng khác gì voi chúa bước đi vững vàng. Thân của Đức Thế Tôn không lay động giống như vị Thiên Na-la-diên. Đức Thế Tôn đối với người cao làm cho họ thấy mình là thấp, đối với người thấp chỉ cho họ thấy mình là cao. Những người có nhà nhỏ thì tự nhiên thành rộng lớn. Thân của Đức Như Lai chưa từng cúi xuống bởi do trong các đời trước Ngài không có tâm kiêu mạn. Các loại nhạc khí không đánh mà tự kêu, các loại côn trùng đều được an ổn, đều do đời trước Ngài đã tu hành Từ tâm.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật có đại thần diệu
Vô úy có đức này
Tướng đi sắc tốt lành
Điều phục người ngang ngược.
Nhờ Ngài bỏ kiêu mạn
Tự ngộ Tối chánh giác
Vi diệu không ai dục
Nên được tướng đi đẹp.*

Đức Thế Tôn có dấu chân như vậy: Tướng bánh xe ngàn cãm hiện ra rất vi diệu, các đức tướng ấy mỹ diệu đầy đủ, không ai sánh bằng. Ở trong nhân gian Ngài là đấng bậc nhất đem lại nhiều sự hoan hỷ. Tất cả đều do Ngài đã tạo phước trong trăm ngàn kiếp mà có. Ngài không có tâm thô lậu vì đã trừ bỏ dâm, nộ, si. Công hạnh trong quá khứ của Ngài không đối trá, không có các điều ác, không tương ứng với si mê, không tạo hạnh si mê. Ngài có danh tiếng như vậy, chí tánh ngay thẳng, làm mà không có tâm mong cầu, ý đã diệt mọi niệm nghi ngờ, trừ bỏ các niệm mong cầu nên việc làm không khuyết lậu, tâm không phân biệt, công đức trùm khắp, thành tựu trọn vẹn thập lực, trừ tất cả tai họa.

Do vậy nên nói kệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Phật có đức tướng ấy
Do các hạnh đã làm
Phân biệt tâm, nghiệp, hành
Như mặt trời chiếu sáng
Bánh xe hiện trên đất
Tâm ý thấy rõ ràng
Nên tự quy y Phật
Như dấu chân in đất.*

Đức Thế Tôn có nụ cười như sau: Do nhân duyên xưa, Ngài đã tu tập hạnh yêu thương chúng sinh, nên mới có nụ cười như thế. Khi Đức Thế Tôn cười, ai nghe được liền sinh tâm hoan hỷ, nhu hòa, nhẹ nhàng, vi diệu, thanh tịnh bậc nhất; người nào thấy Phật mỉm cười tâm niệm vắng bật trần cấu, được tâm thanh tịnh không tỳ vết. Đó là do Ngài tu hành không nói lời hư dối. Như loại hoa Ưu-bát, Chiêm-bạc có đầy đủ các thứ hương thơm, Ngài phân biệt rõ các pháp, truyền giảng pháp cam lộ khắp thế gian; lời pháp có đầy đủ ánh sáng trí tuệ, vi diệu bậc nhất. Khi ấy Đức Thế Tôn từ thân phóng luồng hào quang lớn màu hoàng kim giống như ba lớp núi cao vây quanh, hiện thân ở cõi trời Sắc cứu cánh. Những vị có niềm tin ở cung trời đó, vâng theo lời giáo giới của Như Lai, không hề trái phạm và dần dần truyền bảo lại cho nhau nên tất cả đều hoan hỷ đối với Đức Phật. Thế Tôn lúc ấy đã tạo bốn hạnh như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Miệng thuyết ánh sáng giới
Tỏa màu sắc vàng xanh
Xuất từ thân Như Lai
Trời người đều dâng cúng.
Bạch hào tướng Như Lai
Ba đời không ai sánh
Đến trời Sắc cứu cánh
Đều vân tập chỗ Phật.*

Đức Thế Tôn có hào quang như vậy: Đều là do công hạnh trong quá khứ của Ngài tạo ra nên phía sau thân Ngài có ánh sáng ấy. Ánh quang đó vô cùng đẹp đẽ, trong lành, là ánh sáng giải thoát tối thượng. Ai nhìn thấy hào quang từ thân Ngài cũng đều sinh tâm hoan hỷ. Thân Ngài có đầy đủ các loại ánh sáng của ngọc Anh lạc, các thứ bụi bặm, ô uế của La-hầu, A-tu-luân không thể làm chướng ngại vì Ngài đã giải thoát ngũ kết³, trừ bỏ ngu si. Khi ấy, Đức Thế Tôn đã hiển bày, giảng dạy pháp cam lộ, khiến cho chúng sinh gặp được pháp vị ấy tự nhiên đạt được thần túc không thể nghĩ bàn.

Do vậy nên nói kệ:

*Thân Ngài khéo giải thoát
Không có gì ngăn ngại
Đạt thập lực phóng quang
Kẻ ngu không thể thấy.
Như Lai có thần túc*

³. Ngũ kết: 五結: Năm kết, chỉ năm loại vọng hoặc giống như dây rợ trói buộc, làm cho chúng sinh trôi lăm trong ba cõi, gồm: 1. Tham kết; 2. Sân kết; 3. Mạn kết; 4. Đố kết; 5. San kết (tức là các phiền não: tham lam, nóng giận, kiêu mạn, ghen ghét, bồng sến).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Thị hiện bằng chúng sinh
Ánh quang vượt thái dương
Nên cúi lạy tướng sáng.*

Đức Thế Tôn đáp y như sau: Không cao, không thấp, tùy thời đáp y để diệt trừ cỏ ô uế, nguồn gốc của sinh tử. Ngài không mặc y phục theo cảnh vui tươi nên đi đến chỗ nào mọi người đều hoan hỷ. Vì có thật quả như vậy nên y phục Ngài luôn tươi sáng. Tôn giả Nan-đà và các Tỳ-kheo ở bên Thế Tôn thấy Thế Tôn đáp y Tăng-già-lê, không gì có thể làm cho y của Ngài dơ được. Khi ấy Tôn giả Nan-đà khen là việc hy hữu nên đến bạch Đức Thế Tôn để muốn biết cách đáp pháp y. Đức Thế Tôn dạy:

– Vì sao thế Nan-đà? Nếu chẳng phải Như Lai từ xưa đã rời khỏi vòng thế gian sinh tử triền miên thì làm sao Như Lai diệt trừ hoàn toàn vĩnh viễn các cấu uế dâm, nộ, si cho chúng sinh. Như Lai đã tùy theo căn tánh, sở nguyện của họ để dạy bảo nên mới thành tựu công đức như vậy; dù có gió bão thổi mạnh cũng không làm cho y Như Lai bay được, bụi trần cũng không làm ô nhiễm được.

Do vậy nên nói kệ:

*Y Như Lai đã đắp
Tự che cả thân hình
Như sen không nhiễm bùn
Y này cũng như vậy,
Hoặc gió bão thổi lên
Sức cuồng phong dữ dội
Muốn y Như Lai động
Đấng Thập Lực ai hơn?*

Khi Đức Thế Tôn đi khát thực như sau: Ngài không phân biệt kẻ ty tiện hay người giàu sang, đều khát thực bình đẳng, không có tà mạng, không cúi xuống làm các nghề trồng trọt, làm thuốc... để kiếm sống; không ngưỡng lên trời coi sao, bói quẻ để kiếm miếng cơm manh áo; không lấy lòng thí chủ để họ sai khiến mà kiếm miếng ăn, không dùng chú thuật huyền hoặc xem bốn phương để kiếm ăn; không cày cấy làm kế sinh nhai. Bởi vì Ngài đi khát thực là để cứu độ chúng sinh nên không có ý mong cầu, tham trước sự ăn uống. Khi Đức Thế Tôn ăn, Ngài quán sát rõ việc ăn uống không phải vì để vui sướng, cho nên không bị nhiễm trước. Khi thọ nhận vật thực của tín thí, Ngài cũng không tham trước, không khởi ý dâm, nộ, si, cũng không mê hoặc vì Ngài đã diệt trừ tâm mê hoặc, xả ly tâm nhiễm trước, không tương ứng với tâm nhiễm trước; trú trong tâm xả nên dục ái không làm trở ngại được, luôn vui thích lấy thiền lạc làm món ăn, cũng không niệm ngã tưởng, hoàn toàn xả ly khổ, thấy rõ ngã là phi nghĩa, thân này chắc chắn sẽ đoạn diệt nên hiểu rõ và xả ly ba việc. Ngài đã thanh tịnh, không có dâm, nộ, si, vì sao nay còn ăn uống? Vì Ngài muốn hiện rõ thân này là không bền chắc, là nơi chất chứa càng lúc càng nhiều bệnh tật. Nếu không còn hơi ấm, thân này sẽ chết cho nên Ngài không sinh loạn tưởng, tu tập phạm hạnh, truyền bá chánh pháp. Thân Ngài chỉ phải chịu các bệnh do hành nghiệp quá khứ, không tạo ra nghiệp bệnh mới. Đức Thế Tôn thọ nhận vật thực của tín thí vì muốn làm lợi ích cho người đời để họ được quả báo, thân họ được an ổn.

Do vậy nên nói kệ:

Khất thực khắp mọi nhà

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Muốn họ được chánh pháp
Ngài ở nơi vườn quán
Như loài ong hút hoa
Không lựa ngon hay dở
Không sinh ý khen chê
Uống ăn không chướng ngại
Vì thoát niệm tham cầu.*

Đức Thế Tôn có sàng tọa như vậy: Thường ngồi ở trong hang núi, nơi đất trống, ở vườn quán, cạnh dòng sông, khe suối, nơi có các loại hoa quả sum suê, vui thích không gì sánh bằng; nơi không có người, một lòng cầu giải thoát các điều ác, tâm không bị phiền não ngăn che; ở nơi không có người đặt chân đến. Ngài không có sự sợ hãi, lia bỏ sự say đắm sắc, thường thích tịch tĩnh. Ngài thuyết pháp cho chúng sinh, *nói rộng như trong Khế kinh.*

Do vậy nên nói kệ:

*Vườn rừng đầy hoa quả
Rợp nở hoa Mạn-na
Ý vui thích nhàn tịnh
Chốn hoa lá biếc xanh
Chí quyết cầu giải thoát
Nên ngự vùng tịch thanh
Thân trụ chốn tịnh nhàn
Không tiếng không loạn tưởng.*

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng cỏ trái trên mặt đất, tòa cỏ ấy không có một mảy bụi trần cũng không huy hoàng tráng lệ. Cỏ ấy vô cùng mịn màng, mềm mại, đẹp đẽ vi diệu. Nếu ai thấy được tòa cỏ ấy sẽ ngắm nhìn mãi không chán và đều y cứ theo đó quán sát, suy tư bằng niệm không phân biệt cao thấp. Danh sắc lục nhập luôn hiện ra không cùng tận, chỉ vì hàng phục chúng nên Ngài dùng cỏ trái trên đất. Khi trái cỏ để ngồi, lòng Ngài không có dục tưởng; khi lấy cỏ làm nệm, tâm Ngài cũng không có kết sử; thân tâm Ngài hoàn toàn thanh tịnh. Chư Phật trong quá khứ tạo công đức cũng không nhiếp thủ, không buộc ràng trong niệm ham cầu chứng quả, bao nhiêu công đức đều hồi hướng cho muôn loài, tâm không phiền não, không sinh ra cỏ kết sử. Thân Ngài tề chỉnh, tâm không tán loạn, thân cận với chúng sinh mà không bị ám cái ngăn che, chứng được Tam-muội, Thần thông. Khi nghỉ, Ngài đặt hông phải xuống đất nằm ngủ, không lâu sau đã đứng dậy kinh hành, tu tập. Ngài vì trú trong Vô giác tam-muội nên nằm hông phải sát đất, vì muốn hàng phục oán địch nên ngồi trên tòa Sư tử. Ngài thị hiện vận loại áo tơ mịn năm màu, hiện tướng không phải Sa-môn chân chánh để tu tập phạm hạnh mà không nhiễm trước hình sắc, thân cận với chúng sinh để cầu tâm giải thoát.

Do vậy nên nói kệ:

*Chúng sinh không cần lành
Nhờ công đức họ Thích
Đã tạo tâm hạnh lành
Tâm vốn tự giác tri.
Lành thay! Pháp giải thoát*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Không có ai hơn Phật
Nay đệ tử Như Lai
Lấy cở trừ dục ái.*

Lúc bấy giờ Thế Tôn dạy biết rõ các căn như thế nào?

Đức Phật dạy rằng trong quá khứ Ngài đã tu tập các căn ấy với các tính chất của chúng. Vì đạo nên Ngài khởi sinh căn ấy để hàng phục sự điên đảo của dục, yếu tố làm cho các căn thuận dòng tương ứng với sinh tử. Các căn ấy nương theo các duyên khác khởi lên hạnh bất tịnh. Các căn đó tham đắm thế gian và nhiễm trước dục lạc. Các căn ấy làm khởi lên các phiền não và làm cho tất cả kết sử lớn mạnh. Các căn ấy theo đuổi thân làm chúng sinh lưu chuyển mãi không bao giờ dừng nghỉ. Các căn ấy không thành tựu nghĩa lớn giải thoát. Các căn ấy đầy mê hoặc, trải qua các cảnh giới. Các căn ấy giống như kiếm nhọn làm thương tổn thân thể. Các căn ấy gây ra khổ não, giống như ghẻ lở, làm chảy ra các kết sử. Các căn ấy giống như người bệnh, không có sức lực. Chúng không bao giờ nhàm chán, biết đủ, luôn mãi mong cầu. Các căn ấy không bao giờ dừng nghỉ, luôn luôn khởi ra các kết sử. Các căn ấy giống như thuốc độc, không cắt đứt được gốc khổ. Các căn ấy không nghe lời dạy bảo, cùng tương ứng với các điều ác. Các căn ấy không giấu kín, bị cảnh giới gươm đao trói buộc. Các căn ấy không được phòng hộ, có tính chất bất toàn. Các căn ấy không có tâm, trôi lăn theo cảnh giới. Các căn ấy không tu hành nên bị lửa dục đốt cháy mãi chạy theo các cảnh giới. Các căn ấy có các khổ não rong chơi theo các cảnh giới khác làm cho tất cả thân tâm khổ não.

Do vậy nên nói kệ:

*Căn trong các cảnh giới
Bị điều ác chế ngự
Tâm thường bị thiêu đốt
Tợ như hòn sắt nung.
Như Lai dạy, lành thay!
Đưa đến chỗ an ổn
Họa các căn không còn
Thiết gì các cảnh giới?*

Thế Tôn dạy biết rõ tâm như thế nào?

Ngài dạy rằng tâm nương theo cảnh giới mà phát sinh và lớn dần. Tâm ấy loạn tưởng, không định giống như gió dữ. Tâm ấy không nhàm chán duyên ác nên gặp phải tai ương. Tâm ấy rong ruổi xa xôi giống như mộng tưởng. Tâm ấy tham đắm với cảnh giới giống như con khỉ. Tâm ấy chạy theo các thứ tham trước một cách tự nhiên giống như cánh con chim Khổng tước luôn theo bên mình. Tâm ấy rong chạy xa vời, suy tư về tiền tài sự nghiệp. Tâm ấy khởi lên các triền cái mê ám cũng như ngựa hoang không dừng nghỉ. Tâm ấy khó chế ngự vì luôn chạy theo các cảnh giới. Tâm ấy giống như vị vua thường làm theo ý mình.

Do vậy nên nói kệ:

*Rất thâm diệu đệ nhất
Tâm trí không hạn lượng
Dạ-xoa, Tu-kiền-đạp
Ba đời không tự giác.
Tâm được tự tại rồi*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Tự nhiên có niệm ấy
Thế gian không ánh sáng
Như Lai chiếu pháp quang.*

Đức Thế Tôn đã giảng dạy nên giác ngộ về thế gian như thế nào?

Ngài dạy rằng thế gian không phải là nơi để nương tựa vì luôn tham đắm tự thân. Tâm không nên nương tựa, tham đắm cảnh giới ở thế gian này. Trong thế gian này nghiệp ác luôn nương tựa các loại tà kiến như vậy. Những điều ấy được tạo ra một cách tự nhiên trong cõi thế gian. Người sống trong thế gian này thường rơi vào đường tà, trôi lăn trong ác đạo. Người thế gian sống trong cảnh ác như loài khỉ. Thế gian này bị ngũ ấm che lấp nên tối tăm, không ánh sáng. Thế gian này mù lòa tăm tối, không thể khởi lên con mắt trí tuệ. Thế gian này bị đói khát vì luôn khát ái không biết chán. Thế gian này bị các thứ kết sử trói buộc một cách mãnh liệt. Thế gian này có ít vị ngọt, giống như loài ong hút mật hoa. Không thể nương tựa vào thế gian này vì nó sẽ bị tan hoại. Thế gian này là cuộc viễn du, người đời cỡi xe mà đi. Thế gian này bị trói buộc, phải sống trong sinh tử. Thế gian này dẫn đến các thứ khổ não, sinh, già, bệnh, chết. Thế gian này chẳng vì diệu, chắc chắn phải tan hoại. Thế gian này không được cứu giúp, bảo vệ nên bị sự thống khổ bức bách. Thế gian này chẳng phải do ta làm ra, chắc chắn phải bỏ ta ra đi. Thế gian này là một bộ máy do các bộ phận xoay chuyển, nương nhau mà tồn tại. Trong cõi thế gian này, mọi hành nghiệp đều dẫn đến ác xứ. Thế gian này như trò huyền hóa hiện ra sắc tướng. Thế gian này không có lợi ích, mọi vật sinh ra đều tan hoại. Thế gian này dễ duôi, cầu thả, không phải là nơi để nương tựa. Thế gian này khó có cảnh giới giác ngộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Chúng sinh bị khổ não
Nên quán đời không thật
Lấy trí tuệ cầu đạo
Cần thấy thân cận xứ.
Từ nhỏ tăng lớn dần
Niệm ái dục thân mạng
Thân này chắc tan hoại
Nên tịch diệt là vui.*

Đức Phật dạy ở trong đời này vượt khỏi con đường lầy lội như thế nào?

Giống như hạt sen ở trong ao, mầm mộng sinh ra dần dần lớn lên trong nước, thân này cũng như vậy, khi chết theo thức vãng sinh, bị hành nghiệp hữu vi đã tạo vây quanh, nhờ gió lửa mà thành, bị tưới ướt bởi nước kiêu mạn. Sau khi chết, ở trong thân trung ấm mầm sống lại sinh ra. Giống như mầm sen sinh trưởng, cũng vậy, vì mầm sống đã sinh nên thân này chẳng đoạn diệt cũng chẳng thường trú. Giống như một người trước thấy mầm sen, cũng thế, chúng sinh bị trói buộc nên cho rằng thân này không đoạn diệt mà luôn trường tồn. Giống như mặt đất bị gió thổi, cũng vậy, thân tứ đại kiên cố nhận các khổ não và nương theo điều ấy nên tất cả chúng sinh đều cho đó là tự nhiên. Giống như loại hoa sen tự nhiên không hư hoại là do sinh ra mầm mộng vì vậy tất cả chẳng có gì là tự nhiên có. Tập hợp các ý nghĩa đó để dụ cho thân tứ đại này khi bị gió thổi thì không còn tái tạo lại được nữa, do vậy cần phải xả ly đối với tất cả pháp. Giống như các bước phát triển của sự sinh trưởng kia, cũng vậy, pháp này tương tự như hạt giống, mầm mộng của hoa sen và cũng như thế, tướng của Bạc Đại nhân thì không thể hủy hoại, những gì

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

do chân tánh tạo ra giống như hạt sen sinh mầm mộng. Vì vậy trong vô số kiếp sống cũng không có sự sinh. Giống như mầm mộng kia khi sinh ra, không phải từ đâu mà đến, thân này cũng thế không đến không đi. Giống như khi hoa úa tàn thì không biết chỗ dừng nghỉ, thân này cũng vậy không có trụ xứ. Giống như mầm mộng kia đồng phát triển, dần dần nở hoa, thân này cũng vậy, không phân biệt cao thấp. Như mầm của hoa sen chắc chắn phải tăng trưởng dần dần, thân này cũng vậy, mầm mộng vốn đã sinh ra trong bào thai thì sẽ dần dần lớn lên. Giống như hoa sen lá xanh mơn mớn, thật đáng yêu, thân này cũng vậy các hành nghiệp đã tạo thật đáng yêu, đáng kính. Giống như khi hoa sen đã đến độ héo tàn, thân này cũng vậy, khi sắp chết, tóc, lông, móng, răng và năm căn đều sẽ rơi rụng, suy yếu; sáu tình suy hao, ý căn tán loạn, rời bỏ thân này tựa như hoa sen kia chắc chắn phải héo úa. Giống như dưới ánh sáng mặt trời, sắc hương của hoa rất đẹp, thơm, ong chúa hết sức vui thích bay lượn xung quanh, thân này cũng vậy, khi mới sinh ra, tứ đại như ánh sáng mặt trời chiếu soi, thai thành hình có sự nhận biết cùng loại với thức, vì vậy cùng kiêu mạn đồng nương nhau, khởi sinh niệm hết sức ái kính thân này; ở trong cảnh sinh tử đối khát cho dục là vui. Người ngu si luôn có tướng điên đảo như vậy, thân này cũng thế, trong tất cả mọi thời không thoát khỏi già chết. Giống như hoa sen khi tàn úa không còn sức sống bị gió mạnh thổi phải rơi rụng tất cả, cánh nhụy hoa đều rời rã không có nơi để duyên theo, không có ong bu quanh, cũng không còn hương sắc, không còn làm người ta yêu thích, thân này cũng thế, ở trong cõi thế mạng sống dần dần suy giảm không còn sức lực. Người nào thọ mạng dài lâu thì các bộ phận trong và ngoài đều bị suy yếu, sức thanh tráng không còn, và đều phải tiêu hoại. Giống như hoa sen cánh rụng, nhụy tàn, cành khô héo, thân này khi ấy sẽ không còn răng tóc, không còn thấy, nghe, ngửi, nếm, không còn nhanh nhẹn, cũng không còn vui thích gì nữa. Khi thân già yếu, tánh kiêu mạn đều hết sạch, cũng không còn đắm trước vị ngon, vượt qua tình ý đam mê sắc dục; da mỗi, mặt nhăn, không còn nét trai tráng. Bất cứ ai khi thân thể già yếu sẽ không còn yêu đắm các loại sắc bại hoại nữa. Loài người dù nam hay nữ đều do đắm trước nó nên bị nó làm hại. Giống như thân cây khô mục, không còn hương vị, tất cả bộ phận đều phải tan rã, thân này cũng vậy, khi mạng căn chấm dứt đều sẽ được chôn vùi trong lòng đất. Giống như hạt sen kia, sau khi đủ duyên lại sinh ra mầm mộng, thân tướng này cũng vậy, luôn luôn thọ hữu. Giống như cành hoa héo tàn kia, chúng sinh cũng như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Cho nên phải bỏ hữu
Cũng nên quán hoa ấy
Như thân trong bào thai
Cần siêng cầu tịch diệt.
Muốn cầu mầm mộng sống
Biết vui, không, vô hữu
Muốn được đến bỉ ngạn
Phải do tự ý cầu.*

Đức Thế Tôn dạy về biển có nghĩa là gì?

Nghĩa ấy là độ chúng sinh đến bỉ ngạn là bậc nhất, tư duy để làm tăng trưởng công đức vô lượng, thanh tịnh không tỳ vết, có đại trí tuệ, giải thoát, không có tâm oán hận. Nhờ không lìa thiện căn, khéo giác quán nên được giải thoát là bậc nhất, danh tiếng đồn xa, trí tuệ trùm khắp, các loại hương thơm lan xa tựa như cội cây tươi tốt; đã tu tập đạt

được thất giác ý, khéo phân biệt vô thường, khổ, không, vô ngã; phước trí đầy đủ, thường nhập Tam-muội, không có loạn tâm, khuyến trợ chúng sinh, làm cho họ phát tâm thiện, hay thành tựu tất cả các loại Tam-muội, là bậc Tối đệ nhất trong chúng Hữu học và Vô học, truyền bá chánh pháp chưa từng mệt mỏi, hóa độ một cách bình đẳng; nói lời chân chánh, nhu hòa, thanh tịnh không lỗi lầm, không có dâm, nộ, si, có công đức đứng đầu trong đại chúng, trải rộng lòng Từ đến tất cả chúng sinh khiến họ được an vui, tịch tĩnh; truyền dạy về các cảnh giới khiến tâm họ luôn được cung kính, được công đức vô cùng tận. Ngay từ quá khứ xa xưa, trong chín mươi mốt kiếp, Đức Thế Tôn dần dần thành tựu đức ấy, ngộ được tất cả nghiệp sâu xa, muốn cho tất cả chúng sinh đồng hưởng một vị ấy nên Ngài đúng thời thuyết pháp luôn phù hợp với căn tánh của họ. Ngài có đầy đủ mười lực và tất cả pháp đức quý giá, y cứ theo bốn món vô úy để định chỉ và trú trong bốn đại; vì tất cả muôn loài thuyết pháp không lựa chọn cao thấp, đã độ đời bằng tám pháp (*Bát chánh đạo*), không có tâm tăng giảm.

Do vậy nên nói kệ:

*Cho nên phải cầu độ
Ân cần với Đạo Sư
Biển Như Lai mênh mông
Nên chấp tay lễ Phật.
Ngài đã đạt giải thoát
Phước đức thật vô cùng
Chúng sinh thọ khổ, vui
Nên cầu chỗ an ổn.*

Vì sao nói Như Lai là chiếc thuyền?

Đó là nói các quả báo chắc thật do Ngài đã khéo tạo. Ngài đã tích tập các hạnh lành, không vi phạm, không thoái thất cũng không hề thiếu sót, đầy đủ các hạnh, chấm dứt vĩnh viễn các điều ác. Ngài dùng cấm giới làm pháp cam lộ tối thượng để phòng hộ thân, không chấp tướng đoạn diệt hay thường trụ, đã an trú trong tịch tịnh, đã đạt được giải thoát hoàn toàn, thường yêu thích nhẫn, không khởi tâm sân hận, phân biệt năm căn, chánh kiến bình đẳng, không có dị tưởng; có đầy đủ các loại Tam-muội chánh định thanh tịnh, giải thoát Không, Vô nguyện, Vô tướng; tâm luôn biết tầm quý, không còn do dự. Đối với các loại pháp hành thiền định Tam-muội như thiền tịnh về tứ đẳng (tứ Vô thượng tâm), định vô sắc, Ngài đều phân biệt không hạn lượng, quán các pháp là bất tịnh, ô nhiễm nên được Nhẫn trí tối thượng luôn hiện tiền. Đối với dâm dục, Ngài tuệ quán, thấy rõ tất cả đều là bất tịnh nên thường có niệm xa lìa. Ngài dùng tâm chánh định vững chắc như kim cang để truyền bá chánh pháp, vì muốn cứu độ chúng sinh nên dùng vô số phương tiện. Ngài dùng tâm ý giác ngộ tương ứng với trí tu hành đạo giải thoát, không có tai họa, sinh, lão, bệnh, tử nhưng vì muốn cứu độ chúng sinh nên thọ thai. Công hạnh của Ngài đầy đủ trong suốt ba đời, không có gì có thể cản trở phá hoại. Ngài không ưa thích tất cả việc thế tục, quán tất cả tướng đều khởi tâm mong được xả ly. Ngài có tâm bất động, không tăng giảm như thế nên có năng lực độ thoát tất cả chúng sinh, lấy Thập lực làm thuyền bè cứu độ chúng sinh, đưa họ thoát khỏi đê mê dài sinh tử đến bờ bên kia. Tâm Ngài luôn quán niệm cứu độ muôn loài mà không nghĩ đến thân mình. Ngài là bậc Thanh văn đệ nhất thể nhập, biết rõ ràng tất cả các pháp muội, đã tu tập nhiều pháp quán tưởng nên được cúng dường phan gấm, lọng hoa. Ngài dùng ba Tam-muội (*Không, Vô tướng, Vô nguyện tam-muội*) làm Pháp ấn, dùng chiêm-đàn

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lạnh xoa thân, dùng năm phép thân thông quán thấy rõ, các loại sắc hương ở khắp nơi, lấy bốn Vô sở úy làm tù và, trống, chuông, đầy đủ không thiếu sót, tuệ quán vô thường, khổ, không, vô ngã, muốn được thoát ly khỏi biển sinh tử, hàng phục làm cho tan rã bè lũ ma quân, đạt đến Niết-bàn giải thoát. Ngài phân biệt tất cả pháp tướng, không thọ cũng không xả ly, viển ly được thức xứ, tâm không còn niệm khổ, vui; đạt đến Niết-bàn. Ngài cỡi xe phước đức vì bốn bộ chúng làm cho họ được sự hoan hỷ tối thắng; dùng thuyền bè của thân, khẩu, ý thiện và Thập lực để chuyên chở chúng sinh đến với tất cả pháp lành, đạt được Niết-bàn.

Do vậy nên nói kệ:

*Khổ hạnh vô số kiếp
Nên tạo thuyền phước đức
Khéo đến chốn an ổn
Vì cứu hộ ba đời
Tâm Ngài luôn hoan hỷ
Thoát vượt bờ tử sinh
Tất cả việc đã xong
Diệt tận được an lạc.*

Đức Như Lai được gọi là vàng thái dương như vậy: Đó là nói Như Lai tu tập trọn vẹn thiền tứ Đăng tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả) không thiếu sót, không có ác hạnh, khéo phòng hộ bằng tất cả giới, tiếng tăm vang dội khắp nơi nên muôn loài đều kính ngưỡng và khiến họ đạt được sự an lạc tịch tịnh, tâm họ được hoan hỷ. Trong vô số trăm ngàn kiếp, Ngài đã tu tập Khổ, Tập, Tận, Đạo, ngộ được Đệ nhất nghĩa; dùng trí tuệ chiếu sáng, phá trừ màn tối ngu si, tiêu diệt khổ đau, du hóa trong chúng sinh khắp nơi làm cho họ đều thành tựu Thập lực, được tâm ý dũng mãnh vô úy. Trong ba ngàn đời Ngài đều phá ma, thương xót hộ trì cho người chưa được độ, trí không thể phá hoại.

Lúc bấy giờ, đối với hạng người đó, Thế Tôn hiện ra như ánh sáng vàng thái dương, đầy đủ hạnh vô lậu, cỡi xe Đại thừa, hóa độ bình đẳng, không sợ hãi như gió lộng thổi buồm. Do các suy niệm hóa độ của Ngài đều tương ứng với chúng sinh trong hiện tại nên khi Thế Tôn lấy tâm đẳng chí (chánh định) hóa độ chúng sinh đều khiến họ đạt được trọn vẹn Tam-muội (chánh định). Ngài luôn suy tư đến tất cả muôn loài nên chúng sinh trong ba đời đều theo hộ vệ, đều vâng theo ý giáo của Ngài, không có lòng dục, nộ, si, kiêu mạn, trừ bỏ các kết sử; các chúng trời người đã tận trừ ngũ cái (năm pháp ngăn che các điều thiện) đều đem hoa đến cúng dường. Ngài giảng dạy giáo pháp làm họ sinh đức tin thánh thiện và đều khiến cho tâm họ tỏ ngộ, không có trần cấu, các kết sử không làm ngăn ngại. Đức Thế Tôn là ánh sáng của vàng dương như thế.

Do vậy nên nói kệ:

*Đã đầy đủ trăm trí
Toàn hảo với chúng sinh
Hiện ánh quang ba đời
Nên lay bậc ánh sáng.
Trăm kiếp vô số hạnh
Diệt ngu si tối tăm
Đã vượt qua bờ kia
Nên lễ Đấng Tuệ Nhật.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Vì sao có hình tượng hoa sen của Như Lai?

Đó là nói về các công đức bậc nhất đã thành tựu của Ngài. Ngài do có đức tin nên đã vượt thoát khỏi ba cõi, trí tuệ bình đẳng thanh tịnh của Ngài phổ biến khắp muôn loài chúng sinh. Ngài nhờ sức mạnh tinh tấn nên được giải thoát, do tiêu diệt màn mây mù, vui trong thiền định nên được giải thoát, niệm giải thoát không có các tướng, nhờ thiền quán nên chấm dứt các thứ tai họa ô uế, cũng không khởi lên dị ý, tu tập thành tựu trọn vẹn đầy đủ đẳng kiến và biết rõ như vậy, hương giới định của Ngài tỏa ngát bốn phương, dùng ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp muôn loại chúng sinh tựa như loài ong hút bao nhiêu loại mật đều phân biệt được; được giải thoát hoàn toàn khỏi tam hữu. Đối với tất cả chúng sinh có lòng tin tưởng, mong cầu, Ngài dùng các phương tiện để làm cho họ được an ổn, tuệ quán sâu xa không nhầm chán, tất cả căn không khuyết lậu. Ngài làm chấm dứt các tai họa dâm, nộ, si trong tâm chúng sinh, làm cho không còn bốc cháy nữa, trở thành vô cùng thanh tịnh, nhu thuận và được độ thoát.

Do vậy nên nói kệ:

*Ngài sinh ra thanh tịnh
Cúng dường hoa khó sánh
Đủ vô số công đức
Thật vi diệu tối thượng
Muốn được vui tịch tĩnh
Chúng sinh được thanh tịnh
Giác ngộ, tỏ muôn loài
Nên gọi Thường Hữu Thanh
Những điều tán thán Ngài
Cùng thế gian tương ứng
Sắc vi diệu bậc nhất
Hương lành thật vi diệu
Tối Thượng giữa loài người
Được thế nhân ngợi khen
Nay con cúi đầu lạy
Bậc Thánh vô nhiễm trước.*

Bậc Nhất Thiết Trí có hình tượng mây như vậy: Đó là nói trong chín mươi một kiếp Ngài đã tu tập tư duy và dùng thần lực chế ngự các pháp bất tịnh nên lời nói ra không có sai khác, sạch hết ái dục, không còn sầu lo; ở trong Tam-muội đến được bỉ ngạn; vì tất cả chúng sinh dùng tâm đại từ bi làm cho họ đạt được đầy đủ phước đức và khiến cho họ đạt được tịch tịnh; dùng quán tâm mà quán chúng sinh. Trong ba đời đối với nhân dân và các chúng A-tu-luân, quỷ thần, Ngài đều thực hành lòng Từ, làm cho họ được thanh tịnh, mát mẻ, được vào cửa giải thoát, đến nơi rốt ráo. Ngài lại dùng ánh sáng trí tuệ tẩy rửa làm cho thanh tịnh chúng nhân, từ người nam đến người nữ đều được thiện lợi. Ngài du hành hóa độ chúng sinh nên thành tựu các hạnh nghiệp, được pháp thậm thâm, biết rõ căn tánh thiện của chúng sinh nên trồng căn lành. Với chúng sinh đói khát vị ngọt cam lộ, Ngài lo họ không được độ thoát, lấy pháp tu hành khiến chúng sinh giác ngộ tất cả hành hữu vi đều vô thường, khổ, không, tất cả pháp là vô ngã, Niết-bàn là vui đệ nhất, bình đẳng độ thoát sự khổ vui ấy, khéo phân biệt được đầy đủ ngôn ngữ. Ngài ở trong các chúng khen ngợi pháp lành, trồng gốc giải thoát; các pháp dâm, nộ, si, kiêu mạn đều lìa bỏ, dùng tâm kim cương vô úy, độ thoát tai họa căn khổ của chúng sinh.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Trong các chúng khác Ngài trao truyền chánh pháp. Đối với những người có tánh hung tợn, Bạc Nhất Thiết Trí làm cho họ thương yêu tất cả. Ngài tuệ thí cho tất cả chúng sinh mà không đấm trước cho nên phải chấp tay đánh lễ Bạc ban mưa pháp cam lộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Công đức hiện chói sáng
Mây thập lực vô song
Nên phát tâm hoan hỷ
Bạc thuyết pháp trừ khát.
Đã được Vô sở úy
Là mây Nhất thiết trí
Hàng phục chúng ngoại đạo
Cho nên uống cam lộ.*

Đức Thế Tôn nói về ngọn lửa như vậy: Đó là nói tâm hạnh mong cầu của Ngài làm cho tất cả chúng sinh đang mong cầu hỷ lạc, giải thoát, đạt được bốn tâm bình đẳng, mọi sở cầu đều được thành tựu, đầy đủ Đệ nhất nghĩa cùng tương ứng với trí, có được thần lực chánh định toàn biến, các thứ danh văn và các căn lực đều đầy đủ, có được sức Tam-muội thậm thâm, với trăm ngàn vô số loại căn, giới và trong tất cả pháp được tự tại. Bạc Tối Tôn ba đời có oai thần thập lực nên được tâm vô sở úy, là Bạc Giải Thoát Tối Thượng, là Bạc đã đạt được ánh sáng đệ nhất, không tịch đệ nhất. Do có đức như vậy nên Ngài truyền bá giáo pháp sâu xa, dạy bảo chúng sinh thực hành nhẫn nhục. Lời Ngài không có sân hận, êm dịu, không làm thương tổn ai, diệt trừ tất cả kết sử nên hàng đệ tử hữu học và vô học trong bốn bộ chúng của Ngài đã khéo tu hành. Ngài đã chỉ dạy, truyền trao chánh pháp cần khổ như thế nên công đức của Ngài thật vô lượng, thành tựu trí tuệ, hưởng đến Niết-bàn, được cúng dường, tôn trọng bậc nhất. Ngài làm tươi mát cho chúng sinh nên phải chấp tay đánh lễ ngọn lửa của Phật.

Do vậy nên nói kệ:

*Hay thiêu đốt cỏ cây
Khó thể ngăn được lửa
Lửa Phật vi diệu nhất
Cho nên cần đánh lễ.
Lửa Phật đã trừ tận
Không còn sinh khổ, vui
Vì Phật có công đức
Lưu truyền khắp thế gian.*

Bấy giờ Đức Thế Tôn trụ tại khu viên quán rất thanh nhã, thành tựu cấm giới. Nơi đó không có năm triền cái, cũng không có đá, cát ô uế, cũng không có núi non nên với tất cả các pháp căn bản Ngài đều tự tại, tâm đại từ bi thanh tịnh, không có cấu uế; tâm Ngài vô cùng hỷ lạc, thẳng đến giải thoát. Ngài có công đức tư duy như thế nên thuận thực các hạnh, mọi việc làm đều có sức dũng mãnh, thành tựu căn bản thiện và đạt tâm bất động đối với pháp nhẫn; có cái nhìn bình đẳng không còn nghi ngờ, tám Hiền thánh đạo đều đầy đủ nên được các sự cúng dường. Ngài đã thực hành vô số hạnh không thể kể hết, thành tựu trọn vẹn các pháp giới, định thập lực không còn nghi ngờ; đã giải thoát khỏi ấm cái (*phiền não ngăn che thiện pháp*), được thanh tịnh theo thệ nguyện đã phát. Như một cội cây có cành, lá, quả tươi tốt đúng thời nở nhụy khai hoa, các pháp ấy sinh

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ra như trăm ngàn cội cây trong khu rừng Tam-muội đều đồng loạt đơm hoa, kết trái sinh tươi. Ngài thấy bình đẳng, không tà kiến, tự thân lạc trú trong thiên vô sắc, luôn từ bi hoan hỷ cứu độ chúng sinh. Ngài ngụ trong khu viên quán ấy phân biệt thất giác ý (thất giác chi), nội tâm an tịnh chứng đệ nhất quả Thanh văn, luôn biết tầm quý, thường niệm tuệ thí. Do Ngài mong cầu xuất ly nên có đám mây mát mẻ ấy. Ngài nỗ lực tận trừ các kết sử, dũng mãnh mong được giải thoát, công đức không thể hủy hoại; thiện pháp tập trung nơi Ngài. Ngài diệt trừ dâm, nộ, si cho chúng sinh để họ đạt được Vô sở úy như các vị A-nhã-câu-lân, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên Tử, A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Nan-đà, Ly Việt. Trong khu vườn Thanh văn, Ngài là vua của chúng Thanh văn, công đức không ai sánh bằng; Ngài là ao tắm thanh tịnh, ban bố các pháp thiện mà ba đời đều tán thán cho tất cả chúng sinh cho nên phải chấp tay đánh lễ.

Do vậy nên nói kệ:

*Ba đời hoằng thiện pháp
Vì chúng sinh gieo mầm
Hoa giác ý điểm thân
Thành tựu quả giải thoát.
Vua của chúng Thanh văn
Sinh công đức toàn tịnh
Luôn mong cầu giải thoát
Tất đạt chốn an lạc.*

Đức Thế Tôn tuệ quán Không như sau: Ý đồng một sắc trải rộng vô biên nên gọi là Không, đoạn các ái dục tất cả đều không trụ, dùng quả báo của trí, thấm nhuần tất cả, không có các kết sử, cũng không có các triền cái, lấy Tam-muội chánh thọ độ các trần cấu, thấy rõ con đường quan trọng để giải thoát sinh tử. Như trăng thanh tịnh phát ra ánh sáng lành, Ngài đã tạo vô lượng công đức, ý nghiệp luôn chuyên nhất, trọn đời tu phạm hạnh, tâm thường hoan hỷ, mắt trí tuệ thanh tịnh nên cảnh giới cũng thanh tịnh. Do Ngài đã đoạn các kết sử nên không có tâm đắm trước; vì đã đạt tâm đại từ nên không trụ tất cả pháp; vì ý phân biệt rõ nên mọi việc làm đều được thành tựu; vì được cúng dường nên không nhiễm kết sử; do y cứ vào tâm ấy nên Ngài không bị tịnh hay bất tịnh làm nhiễm ô tâm; nương tựa chúng Thanh văn nên được các loại chim vây quanh; do chỉ quán đầy đủ nên có sự vi diệu không cùng tận; do Ngài an trụ trong rừng Tam-muội được nên các tinh tú xoay quanh; do dùng chánh pháp để hàng phục ngoại đạo nên khó có thể trừ lượng. Cần quán như thế, giống như một người hoan hỷ vì hành nghiệp của mình đã thành tựu trọn vẹn, chắc chắn không còn tâm nghi ngờ, không thoái chuyển tâm giải thoát, giác ngộ.

Do vậy nên nói kệ:

*Niệm hoan hỷ ái lạc
Vắng bật các trần cấu
Nếu có bao nhiêu sắc
Đều có thể phân biệt.
Tâm bình đẳng độ sinh
Con nay mong tán thán
Ngài đã đến bờ kia
Không có tâm hỷ lạc.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Đức Thế Tôn có pháp luân như vậy: Ý Ngài an tĩnh, vắng lặng, đầy đủ căn, lực, giác ý không khuyết lậu, nên tất cả đều tự trang nghiêm. Ngài lấy các pháp tứ Thần túc tối thượng, tứ Ý đoạn (*tứ Chánh cần*) khéo trang nghiêm thân, miệng khéo thuyết giáo truyền bá, thông đạt thất giác ý, đẳng kiến nên được giải thoát; nhờ chỉ quán nên tâm không có si ái, đã đạt Tam-muội ấy nên được tâm Vô sở úy; vì rống lên tiếng rống sư tử nên không còn sợ hãi; biện tài vô ngại, được tín hoan hỷ, tinh tấn không có niệm giải đãi; đã qua mọi cảnh giới nên được trí tuệ giải thoát; đạo qua cảnh giới của ma mà không có dục ái; công đức đầy đủ, tiêu diệt các đường ác; với quả tam thừa vi diệu khéo thành tựu đệ nhất; diệt các chúng ma, tam dục⁴ vĩnh viễn chấm dứt; các sự cầu lo khổ não vĩnh viễn chấm dứt không còn, cũng không có tâm hữu ái, cũng không có ngũ cái, cũng không có tâm ô nhiễm, cái gì nương nơi thân đều xả ly hết; trừ bỏ tâm nghi ngờ, không ám độn, si mê, có giác có quán cũng không kiêu mạn; tùy thời thuyết pháp, không điên đảo, có oai lực vĩnh viễn trừ hết tà kiến, đưa đến hoan hỷ, diệt trừ kết sử, hàng phục chúng ma.

Do vậy nên nói kệ:

*Được mọi người cúng dường
Độ muôn loài chúng sinh
Che chở người cô thế
Chuyển Pháp luân trước ma
Pháp ấy thật tối thắng
Trời người đều tán dương
Danh tiếng Ngài vang lừng
Bậc thuyết pháp tối thượng.*

Đức Thế Tôn nhờ loại Kim cang gì mà hàng phục được các ma?

Là do lúc bấy giờ Thế Tôn cỡi xe cấm giới, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn, có các lực nhẫn nhục, dùng đám mây lớn làm dù lọng thanh tịnh; lấy không kết sử, vô dục để phòng hộ tâm, luôn giữ cái nhìn bình đẳng; nhờ Tứ thiền mà tham ái và ngã mạn được giải thoát thanh tịnh, đẳng chí, đẳng ngữ đều được thanh tịnh; lấy trí biện tài và thần túc để trang nghiêm. Ngài tự giữ tâm ý chuyên nhất nên giải thoát hoàn toàn khỏi dâm, nộ, si; dùng giác ý, giải thoát làm ngọn đuốc sáng; đầy đủ tất cả pháp, không có tam ái; vượt thoát mọi kết sử, không sức mạnh nào có thể phá hoại; đến được biển Niết-bàn không có tai họa thế tục; dùng trí tuệ kim cang, lại dùng trí nghiệp diệt trừ các đường ác nên được giải thoát, đầy đủ Thập lực và Tứ vô sở úy. Xưa kia Ngài đã tu tập hàng phục các ma, việc làm ấy không hề tan hoại, tất cả các loại chúng hữu tình đều được độ thoát, diệt trừ các chúng ma mà không đấm trước.

Do vậy nên nói kệ:

*Ma quân đến khủng bố
Ý tinh tấn kim cang
Hàng phục bè lũ ma
Các chúng sinh có tưởng
Nhờ hành Tam-muội này*

⁴. Tam dục 三欲 : 1. Hình mạo dục, 2. Tư thái dục, 3. Tế xúc dục. Lòng dục khởi lên khi nhìn thấy đám mê trước hình tướng dung mạo, tư thế thái độ của người khác hoặc khởi lên do tiếp xúc sờ, chạm vào thân người khác.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Và các trần cấu khác
Kết sử đều đoạn trừ
Nên cúi lạy Mâu-ni.*

Vì sao nói Đức Thế Tôn dùng mưa pháp để tưới ướt chúng sinh?

Đó là vì Thế Tôn chuyển pháp luân bất tử, ở giữa tám bộ chúng tán thán pháp ấy, những pháp mà trong trăm kiếp Ngài đã tu hành cầu thiện hạnh. Ngài đã an trụ tâm Từ chuyển pháp thanh tịnh, kiên cố như thế; là pháp kiên cố của bậc Hiền thánh, là pháp từ trong tâm sở quán của Bậc xuất trần nên có đại oai thần, không đấm trước, lại do lực của nhãn trí nên tất cả pháp ấy đều đưa đến cửa giải thoát kiên cố. Ví như ngọc anh lạc và các loại bảo vật quý giá, bổn nguyện của Ngài đã viên thành. Ngài phương tiện trụ ở tịnh xứ vi diệu phương Đông, ngôi trang nghiêm dưới tàng cây Bối-đa⁵ hướng về phương Đông thiên quán, chư Thiên hiện ra đầy hư không. Khi ấy Đức Phật rất vi diệu, chư Thiên ở giữa hư không vô cùng hoan hỷ, tung rải hoa xuống cúng dường, tán thán. Khi Ngài thiên quán, chúng A-tu-luân và các thần tiên nghe đức của Ngài như vậy: “Thuở xưa Đức Phật đã tạo tràng hoa sen cực đẹp dâng cúng và tán thán Phật Định Quang, Phật Tùy Diệp, nên ở trong đại chúng tâm Ngài được tự tại bậc nhất.”

Lúc đó Đức Thế Tôn Thích-ca Văn là Bậc Nhất Thiết Trí, được chúng chư Thiên hoan hỷ, tất cả đều do công đức xưa kia Đức Phật đã tạo. Như Chuyển luân thánh vương được tự tại đối với cảnh giới, Đức Thế Tôn cũng như vậy, ở trong các pháp vô lậu, Ngài đã được tự tại. Giống như Chuyển luân thánh vương ở trong cảnh giới tự tại, có thể làm chấm dứt sự đấu tranh của muôn loại chúng sinh, Đức Phật Thế Tôn cũng như thế, nếu có chúng sinh nào trong chúng Thanh văn có tâm hồ nghi đối với chánh pháp, Ngài làm cho đều đoạn trừ. Giống như vua Chuyển luân thánh vương có nhiều của báu có thể đem bố thí cho tất cả những người nghèo khó, Đức Phật cũng như vậy, với những chúng sinh thiếu của báu Hiền thánh, Ngài liền đem Thất (thánh) tài mà tuệ thí cho. Giống như Chuyển luân thánh vương dẫn dắt chúng sinh, chỉ cho họ chánh pháp, Đức Thế Tôn cũng như thế, chỉ dạy cho chúng sinh đến đạo Niết-bàn. Giống như Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở thế gian, những chúng sinh bị nhốt trong lao ngục đều được thả ra; Đức Phật Thế Tôn cũng như vậy, khi xuất hiện ở thế gian, chúng sinh ở trong lao ngục sinh tử đều được giải thoát.

Do vậy nên nói kệ:

*Phật, Pháp Vương đệ nhất
Không ai quý hơn Ngài
Thương xót khắp chúng sinh
Phật che chở ba cõi.
Đáng thờ đáng cung kính
Độ người chưa được độ
Công đức Phật thậm thâm
Giác ngộ người si ám.*

Đức Thế Tôn có thành trì như thế nào?

Thành trì đó chính là thiên định, trí tuệ của bốn quả Hiền thánh. Ở trên nền đất giới định, tướng thiện lành, hạnh vô vi, lấy trí tuệ làm thành quách, lấy Tam-muội để đuổi quân địch, lấy cửa giải thoát làm cửa thành, lấy đẳng kiến (cái thấy bình đẳng) làm

⁵. Bối-đa 具多 viết đủ là Bối-đa-la 具多羅 (S: Pattra): nghĩa là cây Đa-la (Ta-la).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đường, lấy niệm làm tường vách, lấy tâm định tĩnh làm hào, lấy ngũ căn làm nhà, lấy thiền làm phòng ở, lấy tà quý tự ngăn che và chỉ đường, lấy thần túc du hành không bị chướng ngại, lấy hoa giác ý để tự trang sức, lấy quả chân thật làm bước đi, lấy quả thứ nhất của hiền thánh để tự vui thích, rất an ổn, dạy bảo chúng sinh khiến họ đều được tế độ như Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và vô số chúng đệ tử có tâm thiện. Ngài thường du hành giáo hóa đầy đủ điều lành, khiến chúng sinh được giác ngộ. Ngài ở trong ao đó tắm rửa, lấy giới làm hương xoa thân, lấy trí tuệ biện tài làm pháp phục để trang nghiêm thân, lấy Tam tam-muội (*Không, Vô tướng, Vô nguyện*) làm món ăn, lấy pháp vị làm nước uống, đầy đủ bảy món báu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì đại chúng Hữu học và Vô học đang vây quanh, muốn cho họ đến Niết-bàn, đến chỗ vô úy, cũng không thoái chuyển, vô dục; đối với chúng sinh Ngài làm cho họ có đầy đủ pháp lực Vô sở úy, khi thọ các ẩm không đấm trước trần cấu.

Do vậy nên nói kệ:

*Các ác đã chấm dứt
Giới pháp Phật chế đặt
Khiến chúng sinh thanh tịnh
Pháp Đấng Thập Lực tuyên
Ở trong thành của Phật
Luôn sợ sinh, già, bệnh
Không đến được Niết-bàn
Đều do chúng sinh khổ.*

